



## **BÁO CÁO NGHIÊN CỨU**

### **A-mi-ăng trắng tại Việt Nam**

**MÃ HOẠT ĐỘNG:** DỰ ÁN HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI VÀ  
ĐẦU TƯ CỦA CHÂU ÂU (EU-MUTRAP) TẠI VIỆT NAM.  
Hiệp định Tài chính số DCI -ASIE/2011/022-818

**“EU-11: Hỗ trợ ngành công nghiệp Việt Nam nâng cao phương pháp sản  
xuất để thích ứng với các quy chuẩn và tiêu chuẩn của EU  
Về an toàn hóa chất.”**

**Bản cuối cùng**

**Hà Nội, 27/11/2014**

***Biên soạn: Craig BOLJKOVAC, Chuyên gia quốc tế Dự án  
EU-MUTRAP, với sự hợp tác của:***

***Trần Quang Tùng, Chuyên gia trong nước***

Tài liệu này được biên soạn với sự hỗ trợ tài chính của Ủy ban châu Âu. Quan điểm thể hiện trong tài liệu là của tác giả và không thể hiện quan điểm chính thức của Ủy ban châu Âu cũng như Bộ Công Thương

## Mục lục

Tổng quan.....	4
1. Giới thiệu.....	5
2. Tổng quan.....	7
3. Khai thác a-mi-ăng tại Việt Nam.....	11
4. Nhập khẩu/Xuất khẩu và sử dụng a-mi-ăng trắng tại Việt Nam .....	11
Xuất khẩu các sản phẩm chứa a-mi-ăng trắng (CA) .....	12
5. Chính sách và pháp luật hiện hành của Việt Nam điều chỉnh chất a-mi-măng trắng trong suốt vòng đời của chất.....	13
6. Những quan ngại về sức khỏe và môi trường liên quan đến a-mi-ăng trắng.....	15
Bối cảnh quốc tế.....	15
Tình hình tại Việt Nam.....	17
7. Hành động quốc tế về a-mi-ăng trắng .....	18
Liên minh châu Âu .....	18
Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).....	18
8. Tổng quan các nghĩa vụ và cam kết quốc gia chính trong việc thực thi và đáp ứng các yêu cầu của Công ước Rotterdam .....	20
Tổng quan Công ước .....	20
Các điều khoản chính của Công ước: .....	21
Thủ tục PIC: .....	21
Tài liệu hướng dẫn quyết định (DGD) .....	23
Phản hồi của nước nhập khẩu (Điều 10) .....	23
Thông tư PIC (Điều 10 và 11).....	23
Điều 10 của Công ước: các yêu cầu về thông tin bổ sung liên quan đến thủ tục PIC .....	24
Trách nhiệm của các nước thành viên xuất khẩu đối với các hóa chất liệt kê trong Phụ lục III ...	24
Trao đổi thông tin về tất cả các hóa chất liên quan (nằm ngoài Phụ lục III) .....	25
Thông tin đi kèm hàng hóa xuất khẩu (đối với tất cả các chất điều chỉnh bởi Công ước Rotterdam).....	25
Vai trò của Ban thứ ký/Hỗ trợ kỹ thuật .....	26
Xem thông tin về Công ước trên các nguồn sau:.....	28
Trường hợp chất a-mi-ăng trắng: .....	32
Tiền Rotterdam: Thời kỳ Hướng dẫn Luân Đôn .....	32
Trong Công ước Rotterdam.....	32
9. Các chất thay thế và chi phí.....	36

Sản xuất tấm lợp.....	36
A-mi-ăng dùng trong phanh xe: .....	38
10. Hậu quả mà vật liệu xây dựng và chất thải chứa a-mi-ăng gây ra: Quản lý phù hợp với môi trường (ESM) và các chi phí kinh tế liên quan tại Việt Nam .....	38
11. Tổng quan chi phí-lợi ích .....	39
12. Báo cáo tác động pháp lý: một công cụ phục vụ quy trình ra quyết định và phân tích .....	40
13. Thuận lợi/khó khăn của Việt Nam trong việc chấp thuận đưa a-mi-ăng trắng vào danh mục ..	42
Thuận lợi: .....	42
Khó khăn: .....	44
14. Khuyến nghị .....	45
Tài liệu tham khảo .....	49

## Tổng quan

Báo cáo nghiên cứu này được biên soạn bởi Chuyên gia tư vấn quốc tế cho Cục Hóa chất (Bộ Công Thương). Mục tiêu của nghiên cứu là hỗ trợ Chính phủ Việt Nam theo hai cách: hỗ trợ quá trình ra quyết định về việc liệu Việt Nam sẽ ủng hộ đưa chất a-mi-ăng trắng – một hóa chất mà quốc tế quan ngại - vào Phụ lục III Công ước Rotterdam trong bối cảnh Hội nghị tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 5 năm 2015 để bàn về vấn đề này; và, hỗ trợ Việt Nam xác định các nhu cầu xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ phát triển nhằm chấm dứt sự lệ thuộc vào nhập khẩu chất a-mi-ăng trắng.

Việt Nam sử dụng a-mi-ăng trắng trong sản xuất từ năm 1963. Hiện tại không có hoạt động khai thác thương mại nào đối với chất a-mi-ăng; vì vậy chất này được nhập khẩu hoàn toàn. Có khoảng 39 cơ sở công nghiệp sản xuất tấm lợp sử dụng a-mi-ăng trắng, chiếm khoảng 90% tổng lượng nhập khẩu; số còn lại (mặc dù hiện chưa có số liệu) dường như được sử dụng rộng rãi trong thay thế đệm phanh xe.

Việt Nam, cùng với một số nước thành viên khác của Công ước Rotterdam, đang trì hoãn việc liệt kê chất a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước. Mặc dù việc liệt kê chất này không cấu thành “cấm” chất đó trên quy mô quốc tế, nó vẫn được coi như một hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Tuy nhiên, phần lớn các bên tham gia Công ước ủng hộ việc này (bằng cách đưa ra một loạt các bằng chứng khoa học phần nào được nêu tóm tắt trong báo cáo này). Vì vậy, Việt Nam đã đặt hình ảnh của mình về bảo vệ môi trường và sức khỏe trước rủi ro bằng cách liên tục trì hoãn việc liệt kê chất a-mi-ăng trắng. Gần đây, Cục Hóa chất đã cho biết chính phủ có thể thay đổi quan điểm của mình tại Hội nghị lần thứ bảy của các nước thành viên Công ước Rotterdam, và có thể ủng hộ việc liệt kê chất này. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tuyên bố (trong một Chỉ thị ban hành tháng 8 năm 2014 của Chính phủ) có ý định ngừng sử dụng chất a-mi-ăng trắng vào năm 2020.

Mặc dù vậy, ngay cả khi Việt Nam ủng hộ việc liệt kê chất a-mi-ăng trắng, vẫn cần có sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cũng như xây dựng năng lực và hỗ trợ phát triển để đảm bảo đến năm 2020 sẽ đạt được mục tiêu ngừng sử dụng chất này. Báo cáo nghiên cứu này nêu sơ lược một số khuyến nghị chính mà nếu được thực hiện sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam nói chung và Cục Hóa chất nói riêng trong việc xây dựng một “Lộ trình” khả thi đến năm 2020. Các dự án thí điểm để thử nghiệm các chất thay thế a-mi-ăng trắng, xây dựng năng lực để tăng cường theo dõi sức khỏe và bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động là một số ví dụ về các hoạt động có thể triển khai.

Ngoài ra, báo cáo còn đưa ra các khuyến nghị chung khác về tăng cường năng lực cho Việt Nam để thực thi các hiệp định quốc tế, đặc biệt là Công ước Rotterdam, Hệ thống hài hòa hóa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS), nhằm vào các hóa chất có trong sản phẩm và một số hoạt động chủ chốt khác. Một vài trong số các khuyến nghị này có liên quan trực tiếp đến Dự án Hỗ trợ Chính sách thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP), đơn vị tài trợ cho báo cáo nghiên cứu này.

## 1. Giới thiệu

Báo cáo nghiên cứu này được biên soạn trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Chính sách thương mại và Đầu tư của châu Âu (EU-MUTRAP) do Bộ Công Thương nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam triển khai với sự hợp tác của Ủy ban châu Âu ([www.mutrap.org.vn](http://www.mutrap.org.vn)). Thành công với ba dự án MUTRAP trước, Mục tiêu tổng thể của Dự án EU-MUTRAP là giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn và hệ thống thương mại toàn cầu, khu vực (ASEAN) và tiểu khu vực, đồng thời tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam-EU, cũng như tối đa hóa những lợi ích phát triển kinh tế của đất nước vì sự tăng trưởng toàn diện và giảm nghèo. Mục tiêu cụ thể của Dự án là hỗ trợ Bộ Công Thương (MOIT) thuận lợi hóa thương mại và đầu tư quốc tế bền vững thông qua cải thiện năng lực tham vấn và hoạch định chính sách, đàm phán và thực thi các cam kết quốc tế, đặc biệt là với Liên minh châu Âu (EU).

Báo cáo này đặc biệt bàn về việc sử dụng liên tục chất a-mi-ăng trắng tại Việt Nam, để tham gia đối thoại quốc tế tại các Hội nghị tiếp theo của các nước thành viên Công ước Rotterdam. Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phụ trách về bảo vệ sức khỏe và kinh doanh các chất nguy hại còn thiếu thông tin (theo họ phản ánh) để đưa ra quan điểm toàn diện về các đề xuất liệt kê a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III Công ước Rotterdam. Do đó, Cục Hóa chất, cơ quan (trực thuộc Bộ Công Thương) có trách nhiệm quản lý hóa chất công nghiệp tại Việt Nam, đã yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật để xác định rõ các phương án và lợi ích của Việt Nam liên quan đến việc đưa chất a-mi-ăng trắng vào diện phải thực hiện Thủ tục thỏa thuận thông báo trước theo Phụ lục III Công ước Rotterdam.

Báo cáo này sẽ bàn về các phương án cho Việt Nam trong bối cảnh chính phủ một lần nữa cân nhắc liệu có ủng hộ việc liệt kê chất a-mi-ăng vào Phụ lục III khi vấn đề này được đưa ra thảo luận tại Hội nghị thứ bảy của các nước thành viên Công ước, dự kiến diễn ra vào tháng 5 năm 2015. Những thông tin gần đây từ Cục Hóa chất, có thể liên quan (phần nào) đến các công việc được thực hiện trong hoạt động này, cho thấy Chính phủ Việt Nam sẽ ủng hộ việc liệt kê chất này.

Vì vậy, báo cáo sẽ:

- Trình bày sơ lược về vai trò kinh tế của chất a-mi-ăng trong nền kinh tế Việt Nam;
- Phân tích cơ bản chi phí/lợi ích của việc cấm thương mại và sử dụng chất a-mi-ăng đối với toàn bộ nền kinh tế và các ngành công nghiệp/doanh nghiệp chính; và đối với sức khỏe;
- Giải thích cơ chế hoạt động của Công ước Rotterdam và cách thức quản lý các thủ tục thuộc Phụ lục III liên quan đến các chất nguy hại;
- Phân tích những lợi thế/bất lợi về hình ảnh của Việt Nam khi đưa ra quyết định về việc bổ sung chất a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III Công ước Rotterdam; và
- Khuyến nghị về phân tích tác động pháp lý của việc kiểm soát a-mi-ăng và các sản phẩm a-mi-ăng tại Việt Nam.

Nếu được chính phủ Việt Nam chấp thuận, báo cáo sẽ là cơ sở để Việt Nam quyết định quan điểm của mình tại Hội nghị thứ 7 Công ước Rotterdam và trong quá trình xây dựng “Lộ trình” hướng tới ngừng sử dụng a-mi-ăng trắng vào năm 2020.

## 2. Tổng quan

Công ước Rotterdam được thiết kế để thúc đẩy chia sẻ trách nhiệm và nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên trong thương mại quốc tế một số chất nguy hại nhất định nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường khỏi những tác hại tiềm tàng và góp phần sử dụng chúng theo cách thân thiện với môi trường. Tại các Hội nghị thành viên Công ước, đã có những nỗ lực bất thành về việc bổ sung chất a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước vốn có thể chận ngòi cho các quy định nghiêm ngặt về trao đổi thông tin từ các nước thành viên xuất khẩu đến các nước thành viên nhập khẩu (tuy nhiên, mặc dù có những cách hiểu ngược lại, điều này sẽ *không* dẫn đến việc *cấm* chất a-mi-ăng trên quy mô quốc tế). Việt Nam là một trong những nước thành viên trước đây không ủng hộ việc đưa chất này vào Phụ lục III. Tài liệu này sẽ tìm hiểu các phương án cho Việt Nam trong bối cảnh chính phủ một lần nữa đang cân nhắc về việc liệu sẽ ủng hộ đưa chất này vào Phụ lục III hay không khi vấn đề này được đưa ra thảo luận tại Hội nghị các nước thành viên Công ước dự kiến vào tháng 5 năm 2015 (xem phần “Giới thiệu” ở trên về dấu hiệu gần đây cho thấy Chính phủ Việt Nam có thể ủng hộ việc liệt kê chất này).

## **A-mi-ăng – loại “Sợi thần kỳ” (EU, 2012)**

Từ “asbestos” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là “bất diệt” hoặc “không thể dập tắt”.

A-mi-ăng có những tính chất ưu việt để sử dụng cho một số sản phẩm, bao gồm:

- độ bền nhiệt và bền mòn (nhiệt độ tan chảy cao, trên 1200 °C);
- độ bền a-xít (a-mi-ăng xanh) và chất nền (a-mi-ăng trắng);
- độ bền phân hủy;
- khả năng truyền dẫn điện thấp;
- độ mềm dẻo và độ bền kéo cao;
- độ bền lão hóa cao.

Có hai loại a-mi-ăng: serpentine và amphibole:

- A-mi-ăng chrysotile (còn gọi là a-mi-ăng “trắng”), có các sợi xoắn, là loại a-mi-ăng thuộc loại serpentine;
- A-mi-ăng amphibole là các sợi thẳng có hình chiếc kim. Các loại a-mi-ăng được sử dụng phổ biến nhất trong thương mại thuộc nhóm này gồm có amosite (a-mi-ăng “nâu”), crocidolite (a-mi-ăng “xanh”) và a-mi-ăng tremolite.



Việt Nam bắt đầu sử dụng a-mi-ăng trắng vào sản xuất từ năm 1963. Chất này không còn được khai thác ở Việt Nam. Vì vậy, toàn bộ cung ứng hiện đến từ nguồn nhập khẩu. Ngày nay a-mi-ăng chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tấm lợp, với một tỷ lệ nhỏ được dùng trong đệm phanh xe. Thông tin trong nước về tác động của việc sử dụng a-mi-ăng trắng đối với người lao động và toàn thể cộng đồng còn ít hoặc chưa có. Kết quả mà một vài nghiên cứu đưa ra cũng chưa toàn diện.

Trên quy mô quốc tế, có nhiều bằng chứng rõ rệt về các mối nguy/rủi ro mà a-mi-ăng trắng đem lại. Những thông tin đó được tóm tắt trong nhiều ấn phẩm, và được xem xét trong một loạt các quyết định của Ủy ban Rà soát hóa chất (CRC) Công ước Rotterdam khi cơ quan này đề xuất xem xét việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III Công ước này tại các Hội nghị các nước thành viên sắp tới.

Tại Việt Nam, tấm lợp chứa a-mi-ăng trắng là một sản phẩm giá rẻ hiện được sử dụng tràn lan. Theo hiệp hội sản xuất tấm lợp, chi phí thay thế các sản phẩm này có thể trở thành rào cản đối với bộ phận người nghèo nhất ở Việt Nam vốn lệ thuộc vào các loại vật liệu xây dựng giá rẻ như một công cụ để họ tiếp tục cải thiện cuộc sống và phát triển kinh tế.

Việt Nam hiện đang đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do toàn diện với Liên minh châu Âu. EU hiện là thị trường xuất khẩu số một và là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam (sau Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa). Vì vậy, nếu đàm phán thành công và Hiệp định Thương mại Tự do được ký kết, nó sẽ đem lại lợi ích đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam, đảm bảo tăng trưởng kinh tế liên tục cũng như phát triển toàn diện đất nước.

Từ phía mình, EU coi việc tiếp tục sử dụng a-mi-ăng trắng ở Việt Nam là mối quan ngại chính. Việc chấp thuận một loạt các sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam (vào EU) có thể bị siết chặt vì hình ảnh tiêu cực của Việt Nam do sử dụng lâu dài chất a-mi-ăng trắng và không giải quyết toàn diện các vấn đề quan trọng về bảo vệ môi trường và sức khỏe. Vì vậy, vấn đề này có ảnh hưởng, ở mức độ nào đó, đến triển vọng phát triển thông qua đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU.

Ngược lại, một số nước (phần lớn trong số này đang tiếp tục khai thác và xuất khẩu a-mi-ăng trắng) đã cùng với Việt Nam tham gia Hội nghị các nước thành viên Công ước Rotterdam, để phản đối việc liệt kê chất này vào Phụ lục III. Bất kể thay đổi nào trong quan điểm của Việt Nam tại Hội nghị tháng 5 năm 2015 này cũng sẽ được đánh giá trên cơ sở quan hệ với các nước này.

Nghiên cứu này là một nỗ lực để đưa ra tổng quan về các vấn đề phức tạp nêu trên, với khuyến nghị về các phương án khác nhau để chính phủ Việt Nam cân nhắc khi xây dựng quan điểm của mình để đưa ra trước Hội nghị tháng 5 năm 2015.

## **Việt Nam và EU: Một số dữ liệu chính**

- EU là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch 21 tỷ Euro, chiếm 19% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.
- Xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng 28% từ năm 2012 đến 2013
- Hỗ trợ phát triển của EU và các nước thành viên đang tăng và ước đạt 400 triệu Euro trong 6 năm tới
- Hiệp định Hợp tác và Đối tác Toàn diện Việt Nam-EU ký kết vào tháng 6 năm 2012 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác (ngoài những lĩnh vực thương mại và phát triển truyền thông) về các vấn đề từ môi trường đến biến đổi khí hậu, từ khoa học công nghệ đến an ninh và quản lý rủi ro
- Quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU dự kiến sẽ kết thúc trong năm 2015

### 3. Khai thác a-mi-ăng tại Việt Nam

Việt Nam có lịch sử không lâu đời về khai thác a-mi-ăng. Trong quá khứ, a-mi-ăng được khai thác chủ yếu là a-mi-ăng amphibole. Một lượng nhỏ a-mi-ăng trắng chất lượng thấp cũng được khai thác, chủ yếu như một phụ phẩm có được từ việc khai thác các khoáng sản khác. Hiện tại, một lượng nhỏ a-mi-ăng chất lượng thấp được khai thác như một phụ phẩm trong sản xuất đạm phốt-phát dạng lỏng (xem mục 3.4 của tài liệu). Tuy nhiên, nó không được sử dụng trong thương mại.

Vì vậy có thể kết luận rằng các hoạt động khai thác a-mi-ăng như một khoáng sản chính đã không còn diễn ra ở Việt Nam. Do đó, Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào nhập khẩu chất này. Vì vậy, việc chuyển sang sử dụng các chất thay thế không chứa a-mi-ăng sẽ được đơn giản hóa đáng kể, do chúng không gây tác động nào đến việc làm trong ngành khai khoáng.

### 4. Nhập khẩu/Xuất khẩu và sử dụng a-mi-ăng trắng tại Việt Nam<sup>1</sup>

Việc thu thập dữ liệu về nhập khẩu a-mi-ăng vào Việt Nam bắt đầu từ năm 1992 với con số thống kê là 10.000 tấn, tăng thành 60.000 tấn năm 2000, và ổn định ở mức 60.000–70.000 tấn từ sau năm 2005 (đỉnh điểm là 75.100 tấn năm 2007).

Gần đây hơn, theo dữ liệu thống kê từ Cục Hóa chất, năm 2012 Việt Nam nhập khẩu khoảng 64.000 tấn a-mi-ăng trắng. Năm 2013 nhập khẩu 40-50.000 tấn. Lượng nhập khẩu này được sử dụng vào sản xuất tấm lợp. Thống kê về nhập khẩu a-mi-ăng trắng phục vụ sản xuất đệm phanh xe (sử dụng không đáng kể ở Việt Nam) hiện chưa có.

Các nước xuất khẩu a-mi-ăng trắng chính sang Việt Nam gồm có: Nga, Brazil, Trung Quốc, Kazakhstan và Zimbabwe. Canada và Mỹ trước đây cũng cung cấp a-mi-ăng nguyên liệu cho Việt Nam.

Năm 2013, Việt Nam có ba mươi chín nhà máy sản xuất xấp xỉ 90 triệu m<sup>2</sup> tấm lợp.

Trong những năm gần đây, Việt Nam chỉ sử dụng a-mi-ăng trắng; hơn 90% được sử dụng để sản xuất tấm lợp xi măng a-mi-ăng (AC), còn lại dùng trong sản xuất phanh ô tô và vật liệu cách nhiệt. Việt Nam cũng nhập khẩu các sản phẩm chứa a-mi-ăng (ACP).

A-mi-ăng được sử dụng để sản xuất tấm lợp từ năm 1963.

Đến năm 1980, cả ba loại a-mi-ăng thương phẩm chính (a-mi-ăng nâu, a-mi-ăng xanh và a-mi-ăng trắng) đều được sử dụng chủ yếu trong sản xuất tấm lợp, tấm cách nhiệt và các sản phẩm

---

<sup>1</sup> Tất cả các dữ liệu trong phần này đều do Cục Hóa chất cung cấp và xác nhận.

khác đòi hỏi chức năng chống xói mòn tại Việt Nam. Việc sử dụng a-mi-ăng nâu và a-mi-ăng xanh tại Việt Nam đã chấm dứt từ năm 2007.

Trong những năm gần đây, Việt Nam chỉ sử dụng a-mi-ăng trắng, hơn 90% được sử dụng trong sản xuất tấm lợp xi măng a-mi-ăng (AC), còn lại được dùng trong sản xuất phanh ô tô và vật liệu cách nhiệt. Rõ ràng Việt Nam cũng nhập khẩu các sản phẩm chứa a-mi-ăng (ACP) (nhưng chưa có dữ liệu nào về vấn đề này tại thời điểm công bố báo cáo).

### **Xuất khẩu các sản phẩm chứa a-mi-ăng trắng (CA)**

Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam (hiệp hội ngành gồm có phần lớn các nhà sản xuất tấm lợp sử dụng a-mi-ăng trắng tại Việt Nam) cho biết một tỷ lệ nhỏ tấm lợp chứa a-mi-ăng (khoảng 8%) được xuất khẩu hàng năm sang các nước châu Phi. Dữ liệu về xuất khẩu sang các nước khác (ví dụ, các nước láng giềng như Cam-pu-chia, Trung Quốc và Lào, các đối tác có quan hệ thương mại rộng rãi với Việt Nam) hiện chưa có.

## **5. Chính sách và pháp luật hiện hành của Việt Nam điều chỉnh chất a-mi-măng trắng trong suốt vòng đời của chất**

Chính phủ Việt Nam đã thừa nhận thuộc tính nguy hại của a-mi-ăng. Sau đây là tổng quan các công cụ pháp lý hiện có của Việt Nam để điều chỉnh việc sử dụng và nhập khẩu a-mi-ăng dưới tất cả các dạng (tập trung đặc biệt vào a-mi-ăng trắng). Quyết định gần đây nhất (tháng 8 năm 2014) của Văn phòng Thủ tướng Chính phủ (xem dưới đây) tái khẳng định vai trò tiếp diễn của a-mi-ăng trắng (ít nhất trong ngắn hạn) trong sản xuất tấm lợp (cho đến nay là công dụng chính của a-mi-ăng trắng nhập khẩu vào Việt Nam), nhưng đang xem xét việc ngừng sử dụng a-mi-ăng vào bất cứ mục đích gì vào năm 2020. Quyết định tháng 8 năm 2014 là văn bản gần đây nhất trong lịch sử khá dài các văn bản pháp luật chính thức về a-mi-ăng (dưới tất cả các dạng) mà chính phủ Việt Nam đưa ra.

Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 08/22/2014 (Văn phòng Thủ tướng Chính phủ) về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 và đề ra phương hướng phát triển đến năm 2030. Các điểm chính của quyết định này gồm có:

- Quyết định gồm có “Quy hoạch tổng thể” về phát triển vật liệu xây dựng từ nay đến năm 2020;
- Sản xuất tấm lợp được trú trọng đặc biệt;
- Tái khẳng định việc cấm sử dụng a-mi-ăng các loại (trừ a-mi-ăng trắng) tại Việt Nam;
- Triển khai công suất sản xuất xấp xỉ 160 triệu m<sup>2</sup> tấm lợp một năm, có hiệu lực từ nay đến năm 2020;
- Không cho phép đầu tư mới hay mở rộng các dự án đầu tư hiện tại vào các cơ sở sử dụng a-mi-ăng trắng. Quy hoạch này cũng kêu gọi chuyển đổi dần các nhà máy hiện tại sử dụng sợi, thay thế bằng các vật liệu khác không chứa a-mi-ăng;
- Phương hướng phát triển ngành tấm lợp (thoát khỏi việc sử dụng a-mi-ăng trắng) từ nay đến năm 2030; và
- Liên tục tăng cường cải thiện tình hình sức khỏe và an toàn cho người lao động và người sử dụng đồng thời bảo vệ môi trường trước các sản phẩm tấm lợp chứa a-mi-ăng trắng cũng là một nhiệm vụ bắt buộc.

Các công cụ pháp lý liên quan khác về vấn đề này tại Việt Nam gồm có:

- Quyết định số 115/2001/QĐ-TTG (Văn phòng Thủ tướng Chính phủ) tuyên bố cấm chất a-mi-ăng năm 2004;
- Quyết định số 133/2004/QĐ-TTG (Văn phòng Thủ tướng Chính phủ) sửa đổi lệnh cấm để cho phép tiếp tục sử dụng a-mi-ăng trắng đi liền với việc kiểm soát chặt chẽ môi trường làm việc và sức khỏe người lao động;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-TTG (Văn phòng Thủ tướng Chính phủ) cho phép sử dụng a-mi-ăng trắng đến năm 2020 trong ngành sản xuất tấm lợp dưới sự kiểm soát chặt chẽ về môi trường làm việc và sức khỏe người lao động;

- Thông tư số 11/2011/TT-BXD ngày 30/08/2011 (Bộ Xây dựng) hướng dẫn thực hiện các quy định quốc gia về vật liệu xây dựng (bao gồm các vật liệu chứa a-mi-ăng trắng);
- Thông tư số 1529/1998-TTLT/BKHHCNMT-BXD ngày 17/10/1998 (Bộ Khoa Học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng) hướng dẫn đảm bảo bảo vệ môi trường khi sử dụng a-mi-ăng trong sản xuất và vật liệu xây dựng;
- Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06/06/2011 hướng dẫn quản lý sức khỏe nghề nghiệp, sức khỏe người lao động và các bệnh nghề nghiệp, nhấn mạnh vào quản lý môi trường và sức khỏe người lao động bị phơi nhiễm a-mi-ăng;
- Nghị định số 26/2011/ND-CP của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 108/2008/ND-CP về a-mi-ăng trắng trong “Danh mục các chất cần khai báo”;

Những quyết định này đi kèm với các văn bản pháp luật khác do các bộ ngành tương ứng ban hành, gồm có Bộ Y tế, Lao động, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cũng ban hành các thông tư, hướng dẫn và quy định nhằm giảm thiểu rủi ro đến sức khỏe người lao động và cải thiện môi trường làm việc.

Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là Cục Hóa chất, cho biết sẽ hoan nghênh những hỗ trợ quốc tế để xây dựng một “lộ trình chi tiết” trong đó bao gồm mục tiêu chấm dứt sử dụng a-mi-ăng ở tất cả các dạng vào năm 2020 (xem phần “Khuyến nghị”).

## 6. Những quan ngại về sức khỏe và môi trường liên quan đến a-mi-ăng trắng

### Bối cảnh quốc tế

Mặc dù còn thiếu bằng chứng rõ rệt về phơi nhiễm a-mi-ăng trắng với những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tại Việt Nam, ở cấp độ quốc tế, các bằng chứng có vẻ thuyết phục hơn. Mặc dù vậy các nghiên cứu khoa học vẫn đưa ra những kết luận khác nhau.

Các nghiên cứu đưa ra kết luận về mối quan hệ giữa a-mi-ăng và bệnh ung thư phổi (Gloyne, 1935; Lynch & Smith, 1935, cả hai đều được IPCS dẫn chiếu, 1986) được thực hiện từ rất sớm, vào năm 1935. Các nghiên cứu ban đầu này được tiếp nối bởi nhiều nghiên cứu khác với những kết luận tương tự trong suốt hai mươi năm sau đó. IPCS dẫn chứng rằng các nghiên cứu dịch tễ đầu tiên khẳng định mối quan hệ này được công bố năm 1955 (Doll, 1955, được IPCS dẫn chiếu năm 1986). Các nghiên cứu ban đầu này được tiếp nối bởi hơn 30 nghiên cứu khác (trên nhiều dạng a-mi-ăng khác nhau) được thực hiện trong giới công nghiệp ở một số nước. Phần lớn, không phải tất cả, đều chỉ ra rủi ro cao về ung thư phổi (IPCS 1986).

Cộng đồng khoa học quốc tế vì vậy dường như đã đi đến sự đồng thuận chung rằng tất cả các loại sợi a-mi-ăng – bao gồm sợi a-mi-ăng trắng – là các chất gây ung thư (Hội Hoàng gia Canada, 1996). A-mi-ăng trắng, thực vậy, đã được “công nhận là chất gây ung thư cho người” (IARC, 1987). Đặc biệt, bệnh ung thư phổi được liên hệ với phơi nhiễm (tùy vào liều lượng) a-mi-ăng trắng, như u trung biểu mô và asbestosis khi hít vào các sợi a-mi-ăng (IPCS, 1998). Tuy nhiên, bệnh ung thư phổi có vẻ như là căn bệnh phổ biến nhất gây tử vong cho người lao động (NICNAS, 1999). Bệnh ung thư thanh quản và các loại ung thư khác cũng được liên hệ với phơi nhiễm a-mi-ăng, (Ủy ban châu Âu, 2012). Chất a-mi-ăng trắng, theo một số nghiên cứu, có thể liên quan ít hơn so với a-mi-ăng amphibole trong việc gây ra asbestosis (Becklake, 1991). Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại chỉ ra rằng không có sự khác biệt rõ rệt nào về sự xuất hiện các bệnh liên quan đến a-mi-ăng trong số các loại a-mi-ăng khác nhau được sử dụng (US EPA, 1989; NICNAS, 1999).

Theo một số nghiên cứu, nguy cơ ung thư phổi cũng tỏ ra cao hơn đối với người hút thuốc bị phơi nhiễm a-mi-ăng (cái được gọi là hiệu ứng “tổng lực”) (IPCS, 1986).

Khía cạnh khó khăn khác của việc xác định liệu có phải nguyên nhân gây bệnh là do phơi nhiễm a-mi-ăng hay không được gọi là giai đoạn “ủ bệnh” (“hoãn”) giữa thời điểm mà một người bị phơi nhiễm a-mi-ăng và khi các triệu chứng bệnh xuất hiện. Một số nguồn (EC, 2012) ước tính rằng, đối với a-mi-ăng, giai đoạn ủ bệnh này có thể lên đến ba mươi năm. Điều này khiến những việc như theo dõi và giám sát sức khỏe của người lao động trở nên vô cùng khó khăn. Chỉ đến khi những dấu hiệu tấn công của căn bệnh liên quan đến a-mi-ăng xuất hiện mới có thể chứng minh được mối quan hệ với phơi nhiễm a-mi-ăng từ nhiều thập kỷ trước, thường thì lúc đó doanh nghiệp nơi người công nhân bị phơi nhiễm đã không còn tồn tại từ lâu.

### **Những căn bệnh chính liên quan đến phơi nhiễm a-mi-ăng**

*Asbestosis*: Một bệnh mãn tính gây viêm và sẹo trên các mô chức năng của phổi do hít phải và giữ lại các sợi a-mi-ăng.

*Mesothelioma*: Một loại ung thư hiếm gặp làm ảnh hưởng đến các mô có chức năng tạo ra lớp màng bảo vệ xung quanh các cơ quan, đặc biệt là phổi (các "màng phổi"); và cả các lớp màng của khoang bụng, tim, và cơ quan quan trọng khác.

*Ung thư Phổi*: Loại ung thư gây tử vong nhiều nhất, với 1,56 triệu người chết mỗi năm (tính đến năm 2012) (WHO, 2014). Trong khi sử dụng thuốc lá là nguyên nhân chính gây ung thư phổi, tiếp xúc với a-mi-ăng cũng được coi là một yếu tố quan trọng.



## Tình hình tại Việt Nam

Như đã nêu trên, tình hình ở Việt Nam liên quan đến tình trạng sức khỏe của những người có thể đã từng bị phơi nhiễm a-mi-ăng còn chưa rõ rệt như những bằng chứng mà quốc tế khuyến cáo. Cả ngành tấm lợp và Cục Hóa chất đều cho biết còn thiếu các nghiên cứu thích hợp và được rà soát đồng cấp tại Việt Nam, ngoài ra còn thiếu các trường hợp nhiễm bệnh liên quan đến a-mi-ăng mặc dù đã theo dõi sức khỏe người lao động được nhiều năm (trao đổi cá nhân, tháng 8 năm 2013).

Tuy nhiên, việc rà soát sơ bộ các nghiên cứu và/hoặc báo cáo sẵn có có thể chỉ ra một số dấu hiệu về tình hình hiện tại. Nhiều bài trình bày của đại diện chính phủ Việt Nam tại các hội nghị quốc tế đã đưa vào các thông tin (chưa được kiểm chứng) về những khó khăn trong công tác theo dõi sức khỏe::

- Chưa đến 20% các nhà máy sử dụng a-mi-ăng thực hiện kiểm soát bụi tại nơi làm việc;
- Một số nhà máy kiểm soát độ a-mi-ăng trong không khí tại nơi làm việc cho ra kết quả cao hơn tiêu chuẩn quốc gia khoảng 30-40%;
- Các cơ sở sử dụng a-mi-ăng có xu hướng là công ty tư nhân hoặc “liên doanh” (công/tư), làm cho việc đảm bảo thực thi và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia càng khó khăn hơn so với các công ty sở hữu nhà nước;
- Nguồn nhân lực để lấy mẫu và phân tích mẫu a-mi-ăng còn rất hạn chế (ở Việt Nam chỉ tồn tại hai Viện liên quan và một Trung tâm Sức khỏe nghề nghiệp ngành xây dựng);
- Công tác theo dõi sức khỏe người lao động còn hạn chế (ước tính chỉ 50% nhà sản xuất thực hiện công tác này; bao phủ được khoảng 50-85% mục tiêu);
- Về các biện pháp cụ thể, như chụp x-quang lồng ngực theo định kỳ (có thể giúp phát hiện các bệnh liên quan đến a-mi-ăng) cho người lao động nguy cơ cao, ước tính chỉ có 5-8% người lao động thuộc nhóm này chụp x-quan thường xuyên.

Một bài trình bày đã chỉ ra những thách thức mang tính hệ thống dưới đây về việc sử dụng và tiếp xúc với a-mi-ăng tại Việt Nam:

- Công nghệ lạc hậu;
- Nhận thức kém về các mối nguy của a-mi-ăng đối với chủ doanh nghiệp và người lao động;
- Thanh tra lao động kém;
- Năng lực giám sát sức khỏe và môi trường kém;
- Không có cơ sở dữ liệu về tiêu hủy a-mi-ăng.

Về phơi nhiễm đối với cộng đồng nói chung, khoảng 8-10% a-mi-ăng nhập khẩu vào Việt Nam được sử dụng để làm đệm phanh. Mặc dù dữ liệu thống kê của Việt Nam về vấn đề này dường như là không có; các nghiên cứu đã chỉ ra nồng độ a-mi-ăng trắng cao (trên mức bình thường) tại các giao lộ tại Anh nơi a-mi-ăng được sử dụng để làm đệm phanh (Jaffrey, 1990 được NICNAS dẫn chứng, 1999). Mặc dù vậy, việc sử dụng bình thường phanh xe không cho thấy tạo ra độ phóng thích sợi cao ra môi trường chung (Williams và Muhlbaier, 1982). Mối quan ngại lớn nhất, tuy nhiên, nằm ở việc phơi nhiễm của người tháo phanh cũ để thay phanh mới hoặc thông qua thao tác trên các đệm phanh bằng cách thổi áp suất không khí, dùng bàn chải kim loại, hoặc các phương pháp khác vốn có thể phóng thích a-mi-ăng dạng khí (Lemen, 2004).

## 7. Hành động quốc tế về a-mi-ăng trắng

### Liên minh châu Âu

Chỉ thị số 1999/77/EC của Liên minh châu Âu cấm đưa vào thị trường và sử dụng các sản phẩm chứa a-mi-ăng, có hiệu lực từ năm 2005. Và Chỉ thị 2009/148/EC cấm tất cả các hoạt động mà trong đó người lao động bị phơi nhiễm sợi a-mi-ăng trong khai thác a-mi-ăng hoặc sản xuất/chế biến các sản phẩm a-mi-ăng. Với một số ngoại lệ nhỏ, việc sử dụng a-mi-ăng dưới tất cả các hình thức đều bị cấm tại các nước thành viên Liên minh châu Âu.

“Tuyên bố Dresden về Bảo vệ người lao động khỏi a-mi-ăng” tại Hội nghị A-mi-ăng châu Âu năm 2003 đã kêu gọi cấm a-mi-ăng trên toàn thế giới. Về việc sản xuất và sử dụng các sản phẩm a-mi-ăng, mục tiêu này đã đạt được tại tất cả các nước thành viên.

Chi phí chăm sóc sức khỏe đối với các căn bệnh liên quan đến a-mi-ăng do hậu quả của việc phơi nhiễm a-mi-ăng tại Liên minh châu Âu ước tính vào khoảng một tỷ Euro mỗi năm.

Ủy ban châu Âu và các nước thành viên EU cũng đã và đang vận động mạnh mẽ cho việc bổ sung chất a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III Công ước Rotterdam (xem ở dưới).

### Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

Công ước của ILO về An toàn trong sử dụng a-mi-ăng (162) khuyến khích các nước tìm ra các chất thay thế a-mi-ăng an toàn hơn và/hoặc an toàn; cấm sử dụng a-mi-ăng xanh; và giải quyết vấn đề bụi a-mi-ăng tại nơi làm việc. ILO cũng đã ban hành một vài công cụ khác để giải quyết, tối thiểu phần nào, các vấn đề về a-mi-ăng.

WHO đã tiến hành, thông qua Cơ quan quốc tế về Nghiên cứu Ung thư (IARC), một loạt các chuyên khảo và đánh giá như những bằng chứng thuyết phục chỉ ra liệu một chất có gây ung thư hay không. Về a-mi-ăng trắng, đã xác định là không có ngưỡng tối thiểu nào về phơi nhiễm sợi a-mi-ăng trong trường hợp không có nguy cơ ung thư; do đó việc phơi nhiễm a-mi-ăng trắng

được xác định là sẽ làm tăng nguy cơ ung thư, và đề xuất sử dụng các chất thay thế ít có hại hơn bất kể khi nào có thể.

Chương trình quốc tế về an toàn hóa chất (IPCS) là một chương trình đồng triển khai giữa UNEP, WHO và ILO. IPCS có nhiệm vụ thiết lập cơ sở khoa học cho việc quản lý hóa chất phù hợp, và tăng cường khả năng và năng lực quốc gia về an toàn hóa chất. Một công cụ chủ chốt do IPCS phát triển là “Bộ tiêu chí sức khỏe môi trường”. Bộ tiêu chí này phải ánh quan điểm chung của một nhóm chuyên gia quốc tế, những người có nhiệm vụ đánh giá các bằng chứng về nguy cơ mà các hóa chất đáng lo ngại mang đến. Chuyên khảo số 203 (ban hành năm 1998) bàn về a-mi-ăng trắng. Những kết luận được công bố trong chuyên khảo này được bàn đến trong phần về tác động sức khỏe (Mục 6) của báo cáo.

## **8. Tổng quan các nghĩa vụ và cam kết quốc gia chính trong việc thực thi và đáp ứng các yêu cầu của Công ước Rotterdam**

Phần này nêu tổng quan về Công ước Rotterdam, cách thức vận hành và các khuôn khổ hỗ trợ hiện có cho các quốc gia có nhu cầu xây dựng năng lực.

### **Tổng quan Công ước:**

Công ước Rotterdam về thủ tục thỏa thuận thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật nguy hại trong thương mại quốc tế (sau đây gọi là “Công ước”) được thông qua ngày 10 tháng 9 năm 1998 tại Hội nghị Đại diện toàn quyền các nước tại Rotterdam, Hà Lan. Công ước có hiệu lực từ ngày 24 tháng 2 năm 2004.

Phạm vi các chất mà Công ước điều chỉnh gồm có (trong bối cảnh quản lý hóa chất quốc tế):

- Chất bảo vệ thực vật và hóa chất công nghiệp bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường;
- Các hỗn hợp thuốc bảo vệ thực vật nguy hại (SHPF) – gây ra một số vấn đề trong điều kiện sử dụng tại các nước đang phát triển hoặc các nền kinh tế chuyển đổi

Mục tiêu tổng thể của Công ước là thúc đẩy chia sẻ trách nhiệm và nỗ lực hợp tác giữa các bên trong thương mại quốc tế các hóa chất nguy hại nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường từ những mối nguy tiềm tàng; và góp phần sử dụng chúng theo cách thân thiện với môi trường.

Công ước cũng quy định về cảnh báo sớm các hóa chất nguy hại tiềm tàng, đề ra cơ sở để đưa ra quyết định về nhập khẩu các hóa chất trong tương lai (thủ tục thỏa thuận thông báo trước PIC); và hỗ trợ thực thi các quyết định nhập khẩu đó.

## Các điều khoản chính của Công ước:

Các điều khoản chính gồm có:

- Thủ tục “Thỏa thuận thông báo trước (PIC)” – Quy định về quy trình ra quyết định cấp quốc gia về nhập khẩu các hóa chất nguy hại trong Phụ lục III và nỗ lực nhằm đảm bảo tuân thủ các quyết định này của nước thành viên xuất khẩu
- Trao đổi thông tin – trao đổi thông tin về một loạt các hóa chất nguy hại (ngoài các chất hiện có trong Phụ lục III)

## Thủ tục PIC:

Việc liệt kê một chất vào Phụ lục III đồng nghĩa với việc phải áp dụng các quy định về “Thỏa thuận thông báo trước” của Công ước. Quy trình liệt kê một chất bao gồm một số bước. Tối thiểu hai nước, từ các phân vùng khác nhau của Liên Hợp Quốc, phải thông báo chính thức cho Ban thư ký Công ước về việc cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt một hóa chất nhất định. Khi nhận được hai thông báo này, Ban thư ký sẽ kiểm chứng thông tin, thông báo cho các bên (thông qua “Thông tư” PIC) về việc cấm/hạn chế, và yêu cầu Ủy ban Rà soát hóa chất (CRC) thẩm định chất đó và khuyến nghị lên Hội nghị các nước thành viên về việc có bổ sung chất đó vào Phụ lục III hay không.

Nếu CRC khuyến nghị đưa chất đó vào Phụ lục, các bước sau đây sẽ được tiến hành:

### BƯỚC 1

- Quyết định đưa chất đó vào diện PIC và liệt kê vào Phụ lục III (COP)
- Phổ biến **tài liệu hướng dẫn quyết định** đến tất cả các nước thành viên (Ban thư ký)

### BƯỚC 2

- **Phản hồi của nước nhập khẩu** về việc nhập khẩu tương lai của mỗi hóa chất thuộc diện PIC (Các nước thành viên)
- Phổ biến phản hồi của nước nhập khẩu đến tất cả các nước thành viên (Ban thư ký) bằng **Thông tư PIC**

### BƯỚC 3

- Hoạt động tiếp nối bởi các nước thành viên nhập khẩu (theo phạm vi trách nhiệm của mình)
- Hoạt động tiếp nối bởi các nước thành viên xuất khẩu (theo phạm vi trách nhiệm của mình)

Thủ tục PIC có kết quả là ba loại tài liệu (như nêu trong các bước trên):

- Tài liệu hướng dẫn quyết định (DGD);
- Phản hồi của nước nhập khẩu; và
- Thông tư PIC.

### **Ủy ban Rà soát hóa chất (CRC) (từ địa chỉ [www.pic.int](http://www.pic.int)):**

Ủy ban Rà soát hóa chất (CRC) là một cơ quan trực thuộc Công ước Rotterdam được thành lập để thực hiện rà soát hóa chất và các hỗn hợp thuốc bảo vệ thực vật theo các tiêu chí đề ra trong Công ước, lần lượt theo các Phụ lục II và IV, cũng như khuyến nghị lên Hội nghị các nước thành viên về liệt kê các chất đó vào Phụ lục III.

CRC hoạt động như thế nào?

Một trong những quy trình cơ bản trong hoạt động của Công ước Rotterdam là một bên, khi ban hành một văn bản pháp luật hoàn thiện về việc cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt một loại hóa chất, phải thông báo cho Ban thư ký về văn bản đó. Công ước quy định rõ cả nội dung và thời hạn thông báo. Ban thư ký sẽ thẩm định và thông tin cho các nước thành viên khác về các thông báo nhận được. Khi nhận được thông báo từ hai khu vực PIC khác nhau về một hóa chất cụ thể, Ban thư ký sẽ chuyển tiếp các thông báo đó lên Ủy ban Rà soát hóa chất để rà soát và xem xét khuyến nghị đưa hóa chất đó vào Phụ lục III của Công ước.

Ngoài ra, bất kể nước thành viên đang phát triển hoặc có nền kinh tế chuyển đổi đang gặp phải các vấn đề do tác động của các hỗn hợp thuốc bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người và môi trường trong các điều kiện sử dụng tại nước đó, có thể đề xuất Ban thư ký liệt kê hỗn hợp đó vào Phụ lục III của Công ước. Trong Phụ lục IV, Công ước quy định rõ yêu cầu về hồ sơ đối với nước thành viên có đề xuất, thông tin cần cung cấp cho Ban thư ký và các tiêu chí liệt kê hỗn hợp chất bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng đó. Ban thư ký sẽ thẩm định các đề xuất, thông báo cho các nước thành viên khác về những đề xuất nhận được và thu thập thêm thông tin như quy định trong Công ước. Sau đó, Ban thư ký chuyển tiếp đề xuất lên Ủy ban Rà soát hóa chất để rà soát và xem xét đề xuất đưa hỗn hợp chất bảo vệ thực vật vào Phụ lục III của Công ước.

Phụ lục II và Phần 3 của Phụ lục IV đề ra các tiêu chí đánh giá hóa chất/hỗn hợp chất bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng phù hợp để đưa vào Phụ lục III.

## Tài liệu hướng dẫn quyết định (DGD)

Các DGD giải thích nguyên nhân một nước ban hành cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt hóa chất làm cơ sở để liệt kê chất đó vào phụ lục III. Chúng liệt kê các công dụng bị cấm và quy định liệu có công dụng nào thuộc phạm vi thông báo của các nước thành viên cũng như thông tin về các chất thay thế, cùng với thông tin cơ bản về chất, bao gồm tóm tắt các đặc điểm chính về độc tính và độc tính môi trường. Các nguồn thông tin khác thường được dẫn chiếu, bao gồm đánh giá từ các nguồn được quốc tế công nhận (ví dụ, WHO).

Dự thảo các DGD được xây dựng theo hướng dẫn và chỉ đạo của Ủy ban Rà soát hóa chất và được đưa ra xem xét tại Hội nghị các nước thành viên.

## Phản hồi của nước nhập khẩu (Điều 10)

Phản hồi của nước nhập khẩu được ban hành bởi các nước thành viên theo biểu mẫu của Ban thư ký.

Phản hồi bao gồm:

- quyết định cuối cùng
  - về việc chấp thuận nhập khẩu
  - về việc không chấp thuận nhập khẩu
  - về việc chấp thuận tuân thủ các điều kiện quy định

Hoặc:

- phản hồi tạm thời, bao gồm
  - quyết định tạm thời về việc nhập khẩu hoặc không nhập khẩu
  - thông báo đang xem xét đưa ra quyết định cuối cùng
  - yêu cầu cung cấp thêm thông tin
  - yêu cầu hỗ trợ để thẩm định hóa chất

## Thông tư PIC (Điều 10 và 11)

Thông tư PIC được ban hành bởi Ban thư ký sáu tháng một lần (tháng 12 và tháng 6). Thông tư được gửi đến các Cơ quan có thẩm quyền quốc gia (DNA) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ước. Thông tư là cơ sở cho việc tuân thủ các quyết định nhập khẩu theo Điều 10 của Công ước.

Thông tư cung cấp cho các nước thành viên danh sách tất cả các quyết định nhập khẩu (tóm tắt các thông báo về văn bản pháp luật quy định về việc cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt một hóa chất). Thông tin bao gồm:

- nguyên nhân cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt một hóa chất;

- tóm tắt các đề xuất về các hỗn hợp chất bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng; và
- mô tả điều kiện sử dụng.

Thông tư cũng cung cấp danh sách cập nhật các Cơ quan có thẩm quyền quốc gia.

## **Điều 10 của Công ước: các yêu cầu về thông tin bổ sung liên quan đến thủ tục PIC**

Điều 10 của Công ước quy định nghĩa vụ của các nước thành viên về việc nhập khẩu tương lai các hóa chất liệt kê trong Phụ lục III của Công ước và thuộc diện phải thực hiện thủ tục PIC. Các bên có nghĩa vụ liên tục nộp cho Ban thư ký, ngay khi có thể và trong bất kể trường hợp nào cũng không quá chín tháng, sau ngày gửi đi tài liệu hướng dẫn về quyết định nhập khẩu của họ (phúc đáp tạm thời hoặc sau cùng) về việc nhập khẩu tương lai hóa chất đó. Nếu một nước thành viên thay đổi quyết định nhập khẩu trước đó đã nộp cho Ban thư ký, Cơ quan có thẩm quyền quốc gia phải nộp phản hồi chỉnh sửa ngay khi có thể. Tất cả các phản hồi nộp bởi các nước thành viên được công bố vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm trong Thông tư PIC.

Theo Điều 10, các nước thành viên nhập khẩu cần:

- đảm bảo các nhà nhập khẩu, cơ quan có thẩm quyền liên quan và (nếu có thể) người sử dụng được thông báo về phản hồi nhập khẩu nhận được;
- đảm bảo các quyết định nhập khẩu được áp dụng như nhau cho tất cả các nước xuất khẩu; và
- đảm bảo các quyết định nhập khẩu được áp dụng như nhau cho tất cả các hoạt động sản xuất hóa chất trong nước để sử dụng trong nước .

## **Trách nhiệm của các nước thành viên xuất khẩu đối với các hóa chất liệt kê trong Phụ lục III**

Nội dung Công ước Rotterdam quy định trách nhiệm của các nước thành viên xuất khẩu:

*Khi một hóa chất bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt bởi một nước thành viên được xuất khẩu từ nước thành viên đó, nước thành viên đó sẽ thông báo về xuất khẩu cho nước thành viên nhập khẩu. Thông báo xuất khẩu sẽ bao gồm các thông tin quy định trong Phụ lục V.*

Theo Điều 11 và 13, các nước thành viên của Công ước phải:

- thực thi các biện pháp pháp luật và hành chính để thông báo về các quyết định nhập khẩu trong phạm vi thẩm quyền pháp lý của mình; và
- tiến hành các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo các nước xuất khẩu tuân thủ các quyết định nhập khẩu.



Các nước thành viên cũng phải đảm bảo ghi nhãn phù hợp và cung cấp thông tin đi kèm hàng hóa xuất khẩu – cải thiện nhãn và thông tin đi kèm phù hợp với Hệ thống hài hòa hóa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS), trong khi việc sử dụng Mã hải quan theo hệ thống hài hòa hóa do Tổ chức Hải quan Thế giới sử dụng sẽ thuận lợi hóa việc theo dõi các hóa chất PIC liệt kê trong Phụ lục III. Ngoài ra, mỗi nước thành viên cũng yêu cầu, bất cứ khi nào mã được phân cho một hóa chất như nêu trên, đảm bảo chứng từ vận chuyển của hóa chất đó có mang mã số khi xuất khẩu.

### **Trao đổi thông tin về tất cả các hóa chất liên quan (nằm ngoài Phụ lục III)**

Công ước cũng quy định cơ chế trao đổi thông tin về một loạt các hóa chất nguy hại tiềm tàng (ngoài các chất liệt kê trong Phụ lục III). Thông tin trao đổi đó dành để sử dụng cho *bất kỳ hóa chất nào bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt bởi một nước thành viên nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường* (các nước thành viên có nghĩa vụ báo cáo về việc cấm/hạn chế đó). Tương tự, các quy định này cũng áp dụng với các hỗn hợp chất bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng có thể gây ra một số vấn đề trong các điều kiện sử dụng nhất định.

Nghĩa vụ của các bên về thông báo xuất khẩu các chất đó gồm có:

- Thông báo cho nước thành viên nhập khẩu trước khi xuất lô hàng đầu tiên nếu việc xuất khẩu chất đó bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt trên lãnh thổ nước mình và sau đó là đối với lô hàng đầu tiên của mỗi năm. Nội dung thông báo phải bao gồm tối thiểu thông tin yêu cầu trong Phụ lục V của Công ước.
- Cơ quan quốc gia có thẩm quyền (DNA) của *nước thành viên nhập khẩu* có thể yêu cầu bất kể thông tin nào quy định trong Phụ lục I của Công ước (“Yêu cầu thông tin trong thông báo theo Điều 5”), về hướng dẫn nội dung thông báo. Thông tin này còn phải được tóm lược trong Thông tư PIC.

Bên cạnh đó, theo các quy định về trao đổi thông tin, các nước thành viên phải cung cấp “Thông báo về văn bản pháp lý hoàn thiện” về việc cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt một chất. Các bên cũng có nghĩa vụ nộp đề xuất phổ biến thông tin về các hỗn hợp chất bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng có thể gây ra một số vấn đề trong các điều kiện sử dụng nhất định.

### **Thông tin đi kèm hàng hóa xuất khẩu (đối với tất cả các chất điều chỉnh bởi Công ước Rotterdam)**

Điều 13 của Công ước cũng là một nỗ lực nhằm đảm bảo các chất được ghi nhãn với đầy đủ thông tin về rủi ro với sức khỏe con người và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế (như Hệ thống hài hòa hóa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất – GHS) và (đặc biệt đối với các hóa chất trong Phụ lục III) mã HS của Tổ chức Hải quan Thế giới. Các chất phải được vận chuyển kèm theo bảng thông tin an toàn hóa chất.

## Vai trò của Ban thư ký/Hỗ trợ kỹ thuật

Điều 16 của Công ước quy định:

*Các nước thành viên có các chương trình quản lý hóa chất hiện đại hơn cần hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm tập huấn, cho các nước thành viên đang trong quá trình phát triển hạ tầng và năng lực quản lý hóa chất trong suốt vòng đời của chúng.*

Từ khi kết thúc đàm phán Công ước Rotterdam, hàng loạt các hoạt động tập huấn và xây dựng năng lực đã được tiến hành để hỗ trợ các nước trong quá trình thực thi. Các hoạt động đó đã được thực hiện dưới hình thức:

- Hỗ trợ của Ban thư ký;
- Hỗ trợ song phương trực tiếp từ các nước tài trợ (theo khuyến nghị của Công ước như nêu trên); và
- Hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các cơ quan của Liên Hợp Quốc tham gia vào các hoạt động quản lý phù hợp hóa chất (ví dụ, FAO, Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc UNEP chuyên về hóa chất, WHO/IPCS, ILO, vv...)

Ngân sách được cung cấp bởi các nước tài trợ (thường là những nước có các chương trình quản lý hóa chất hiện đại hơn) dưới dạng tài trợ trực tiếp cho các tổ chức quốc tế hoặc cho Ban thư ký, hoặc thông qua các cơ chế đa phương như Tổ chức Môi trường Toàn cầu (mặc dù không phải là tổ chức tài trợ chính thức cho Công ước Rotterdam, vẫn cung cấp các khoản tài trợ thông qua các nhiệm vụ khác liên quan đến hóa chất – chất thải).

Hộp dưới đây nêu tóm tắt toàn bộ các dịch vụ mà Văn phòng hỗ trợ kỹ thuật của Ban thư ký tổng hợp của các Công ước Basel, Rotterdam và Stockholm có thể cung cấp cho các nước để thực thi Công ước này.

## **Văn phòng hỗ trợ kỹ thuật**

**(từ trang thông tin điện tử của Ban thư ký các Công ước Basel, Rotterdam và Stockholm)**

Văn phòng hỗ trợ kỹ thuật có trách nhiệm xây dựng và quản lý Chương trình hỗ trợ kỹ thuật của Ban thư ký các Công ước Basel, Rotterdam và Stockholm theo nhiệm vụ liên quan đề ra bởi các Hội nghị các nước thành viên của ba công ước này.

Vì vậy Văn phòng có nhiệm vụ xác định nhu cầu của các nước thành viên đang phát triển, các nước thành viên đang trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế trong thực thi các nghĩa vụ đề ra trong các Công ước Basel, Rotterdam và Stockholm.

Như một phần của chương trình hỗ trợ kỹ thuật, Văn phòng quản lý quá trình triển khai các hoạt động xây dựng năng lực và tập huấn, bao gồm các hội thảo, hội nghị chuyên đề trực tuyến và tập huấn trực tuyến, đồng thời phát triển các công cụ và tài liệu tập huấn.

Văn phòng quản lý quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật vùng, tập trung đặc biệt vào hỗ trợ các trung tâm vùng được thành lập theo các Công ước Basel và Stockholm, bao gồm quy trình lựa chọn, hướng dẫn cho các trung tâm này, thúc đẩy hợp tác và điều phối giữa các trung tâm, cũng như các quy trình báo cáo và đánh giá thành tích của các trung tâm.

Bên cạnh đó, Văn phòng còn có trách nhiệm quản lý các hoạt động hợp tác, đặc biệt thông qua xác định và thiết lập các quan hệ hợp tác phù hợp để chuyển giao các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật.

<http://synergies.pops.int/Secretariat/Structure/BranchesFactSheets/TechnicalAssistanceBranch/tabid/2734/1anguage/en-GB/Default.aspx>

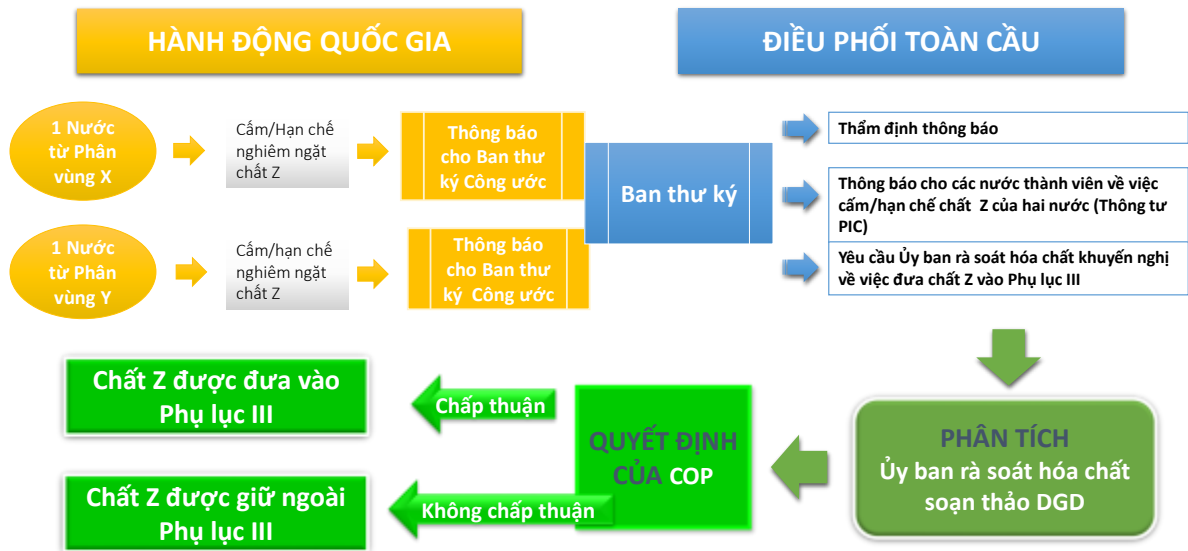
### Xem thông tin về Công ước trên các nguồn sau:

Trang thông tin điện tử của Công ước Rotterdam: [www.pic.int](http://www.pic.int) Trang này có các đường dẫn đến các ấn phẩm/công cụ hữu ích:

- Tổng quan Công ước Rotterdam (tờ rơi)
- Hướng dẫn Xây dựng luật pháp quốc gia để thực thi Công ước Rotterdam (ấn phẩm)
- Hướng dẫn Cơ quan quốc gia có thẩm quyền (DNA) về cơ chế hoạt động của Công ước Rotterdam (ấn phẩm)
- Tập huấn tương tác về Công ước Rotterdam (học trực tuyến)
- Hướng dẫn về cơ chế hoạt động của Công ước Rotterdam (công cụ điện tử)

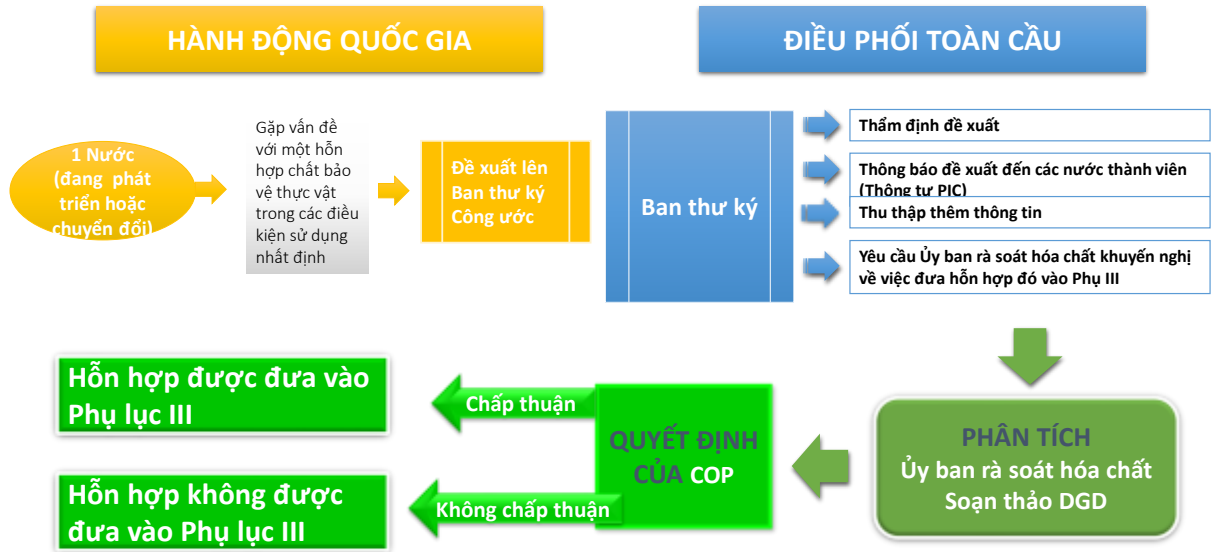
## Bổ sung một chất vào Phụ lục III của Công ước

Hai nước, mỗi nước từ một phân vùng khác nhau của UN, khởi động quy trình

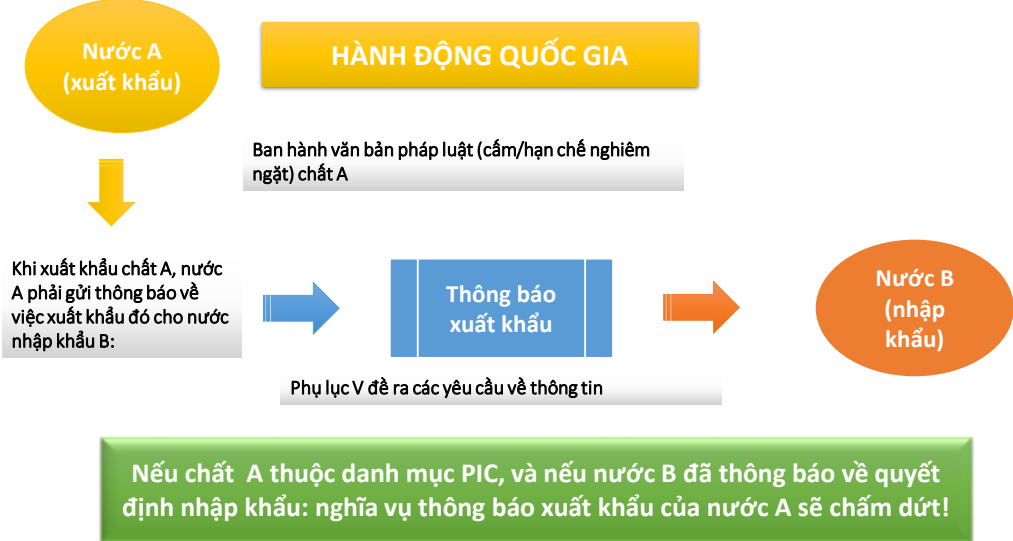


## Bổ sung một hỗn hợp chất bảo vệ thực vật nguy hại nghiêm trọng vào Phụ lục III

Một nước đang phát triển hoặc đang chuyển đổi khởi động quy trình



**Thông báo xuất khẩu**



## **Trường hợp chất a-mi-ăng trắng:**

Phần này của báo cáo bàn về lịch sử những tính toán thận trọng của quốc tế về chất a-mi-ăng trắng.

### **Tiền Rotterdam: Thời kỳ Hướng dẫn Luân Đôn**

Trước khi Công ước Rotterdam có hiệu lực (vào tháng 2 năm 2004), có cơ chế tự nguyện lồng ghép Thủ tục thỏa thuận thông báo trước (sau đó được pháp điển hóa trong Công ước Rotterdam). Hướng dẫn Luân Đôn về trao đổi thông tin về các hóa chất trong thương mại quốc tế được Hội đồng UNEP ban hành năm 1987.

Trong Hướng dẫn Luân Đôn, không có quy trình nào tương đương với Phụ lục II của Công ước Rotterdam. Thay vào đó, có phần nào tương đồng, cách tiếp cận thống nhất giữa các bên được đưa vào để điều chỉnh quy trình đưa các hóa chất vào diện PIC. Tổ chức tiên phong là Cơ quan hóa chất UNEP ngày nay (được biết đến là “IRPTC” – Tổ chức đăng ký quốc tế hóa chất độc hại tiềm tàng), được giao nhiệm vụ thu thập thông tin (từ Cơ quan quốc gia có thẩm quyền) về các hóa chất bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt bởi năm nước hoặc hơn. Nếu một chất bị cấm hoặc hạn chế nghiêm ngặt bởi mười nước hoặc hơn, chất đó được đưa vào danh mục và danh mục đã được phổ biến, cùng với việc gửi đi trước Tài liệu hướng dẫn quyết định PIC hiện tại, đến tất cả các nước thành viên. A-mi-ăng trắng là một trong các chất được đưa vào danh mục và Tài liệu hướng dẫn quyết định đã được phổ biến đến các nước thành viên (Trao đổi cá nhân, Ông Jan Huismans).

### **Trong Công ước Rotterdam**

Một loạt các tính toán cẩn trọng (đến nay vẫn thất bại) giữa các nước thành viên đã diễn ra xoay quanh vấn đề đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III kể từ khi Công ước Rotterdam được đàm phán. Bảng dưới đây nêu tóm tắt những nỗ lực của các bên nhằm đưa a-mi-ăng trắng vào danh mục tại các hội nghị chính liên quan đến Công ước này.



<b>Các nỗ lực trong khuôn khổ Công ước Rotterdam liên quan đến a-mi-ăng trắng</b>		
<b>Hội nghị/Thời gian</b>	<b>Hành động</b>	<b>Kết quả</b>
Thủ tục PIC tự nguyện		
INC-10	Thảo luận ban đầu về việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục 3	Không đi đến kết luận
ICRCs	Khuyến nghị đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục Annex 3	Khuyến nghị lên COP-1 về việc đưa vào phụ lục
COP-1 (10/2004)	Các nước không đạt được đồng thuận về việc đưa vào phụ lục	Không được đưa vào
CRC-1 (02/2005)	Khuyến nghị đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục Annex 3	Khuyến nghị lên COP-2 về việc đưa vào phụ lục
COP-2 (10/2005)	Các nước không đạt được đồng thuận về việc đưa vào phụ lục	Không được đưa vào
CRC-2 (02/2006)	Khuyến nghị đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục Annex 3 của Công ước và chuyển tiếp lên COP-3 dự thảo Tài liệu hướng dẫn quyết định liên quan	Khuyến nghị lên COP-3 về việc đưa vào phụ lục
COP-3 (10/2006)	Các nước không đạt được đồng thuận về việc đưa vào phụ lục, yêu cầu có một báo cáo đầy đủ về các chất thay thế (của WHO)	Không được đưa vào
CRC-3 (03/2007)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-4 về việc đưa vào phụ lục
CRC-4 (03/2008)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-4 về việc đưa vào phụ lục
COP-4 (10/2008)	Bàn về việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III tại COP 5 và khuyến khích các nước thành viên sử dụng các điều khoản về trao đổi thông tin của Công ước (Điều 14) trong thời gian chờ đợi	Không được đưa vào
CRC-5 (03/2009)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-5 về việc đưa vào phụ lục
CRC-6 (03/2010)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-5 về việc đưa vào phụ lục
CRC-7 (03-04/2011)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-7 về việc đưa vào phụ lục
COP-5 (06/2011)	Các nước không đạt được đồng thuận về việc đưa vào phụ lục (Ấn Độ chấp thuận)	Không được đưa vào
CRC-8 (03/2012)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-6 về việc đưa vào phụ lục
COP-6 (05/2014)	Các nước không đạt được đồng thuận về việc đưa vào phụ lục (Ấn Độ không chấp thuận; Canada chấp thuận)	Không được đưa vào
CRC-9 (10/2013)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-7 về việc đưa vào phụ lục
CRC-10 (10/2014)	A-mi-ăng trắng được tự động chuyển lên xem xét tại COP	Khuyến nghị lên COP-7 về việc đưa vào phụ lục
COP-7 (05/2015)	Chưa xác định	Chưa xác định

Tóm lại, Liên minh châu Âu, hầu hết tất cả các nước châu Phi<sup>2</sup> (trừ một nhà sản xuất, Zimbabwe), Nhật Bản, Thụy Sĩ và các nước thành viên khác đã hăng hái ủng hộ việc liệt kê chất a-mi-ăng trắng kể từ khi bắt đầu những xem xét tính toán trong phạm vi Công ước Rotterdam. Một nhóm các nước khác, bao gồm Liên bang Nga, U-crai-na, Kazakhstan và Kyrgyzstan (và đôi khi cả Ấn Độ và Việt Nam) đã phản đối việc liệt kê chất a-mi-ăng trắng vì lý do thiếu bằng chứng về tính nguy hại của chất này. Canada ban đầu ủng hộ nhóm các nước thứ hai, nhưng mới thay đổi quan điểm (xem hộp dưới).

Đến nay, Việt Nam đã đưa ra quan điểm phản đối việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III, nhưng không phải lúc nào cũng đưa ra tiếng nói nhất quan về việc này như những nước nêu trên. Tại Hội nghị các nước thành viên lần thứ 6, đoàn Việt Nam đã xác nhận có mối quan hệ giữa chất a-mi-ăng trắng và bệnh asbestosis. Nhiều đoàn đại biểu khác phản đối việc liệt kê chất này vào danh mục cũng đưa ra dẫn chứng về việc thiếu bằng chứng rõ ràng về tác hại của nó.

Ủy ban rà soát hóa chất, kể từ hội nghị đầu tiên, đã khuyến nghị đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III. Mỗi Hội nghị các nước thành viên Công ước đều cân nhắc liệu có nên làm việc này, nhưng không đạt được đồng thuận (tuy nhiên, dù không có bỏ phiếu chính thức – Trung Quốc và Nga tại Hội nghị các nước thành viên lần thứ 6 – đã cho rằng điều đó có thể sẽ đi ngược lại với tinh thần và chủ trương của Công ước). EU, nhiều nước thành viên và các tổ chức quốc tế như ILO và WHO cũng ủng hộ việc liệt kê chất này vào danh mục cùng với một loạt bằng chứng khoa học.

Một trong những lý lẽ chính của việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước là do các nước nơi a-mi-ăng trắng vẫn còn được sử dụng không chấp thuận việc cấm sử dụng chất này. Tuy nhiên, cũng có những lý lẽ được đưa ra (đặc biệt là tại COP-4) rằng một số nước đang phát triển, có lẽ do thiếu năng lực trong nước để tự đánh giá rủi ro, dường như đã lợi dụng Phụ lục III hoặc thậm chí các khuyến nghị của CRC như một công cụ che chắn để cấm hoặc hạn chế sử dụng hóa chất, qua đó dựng lên hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Qua nhiều năm cân nhắc tính toán về a-mi-ăng trắng tại các hội nghị của Công ước, đã đạt được một số thỏa hiệp. Nhưng chưa có thỏa hiệp nào có được kết cục thành công. COP lần thứ 7, dự kiến diễn ra vào tháng 5 năm 2015 tại Geneve, Thụy Sĩ sẽ bàn đến vấn đề này một lần nữa.

---

<sup>2</sup> Thực vậy, tại COP-5, một nhóm các nước châu Phi đã cho biết, nếu a-mi-ăng trắng không được đưa vào Phụ lục III trong tương lai gần, sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc xem xét thiết lập các hạn chế thương mại đối với chất này ở cấp khu vực.

## **Canada, a-mi-ăng trắng và Công ước Rotterdam**

Cho đến gần đây, Canada luôn phản đối việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III Công ước Rotterdam. Việc này được cho là không phải do thiếu bằng chứng về tác hại mà chất này gây ra, mà vì lý do chính trị không liên quan gì đến các quan ngại về môi trường và xuất khẩu.

Canada là nước xuất khẩu a-mi-ăng lớn. Xuất khẩu đến từ “một thành phố công nghiệp” lớn thuộc một tỉnh chủ yếu nói tiếng Pháp tại Quebec. Thành phố này (rất trùng lặp lại tên là Asbestos, Quebec) gần đây đã ngừng sản xuất a-mi-ăng trắng.

Cho đến tận khi Quebec cho ngừng khai thác a-mi-ăng, chính phủ các nước mới thấy khả năng đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III Công ước Rotterdam, đe dọa trực tiếp việc làm và sinh kế của người lao động ở Asbestos, Quebec, mặc dù Công ước không hề cấm sử dụng các chất liệt kê trong phụ lục III trong thương mại quốc tế.

Vấn đề khai thác a-mi-ăng ở Canada được phần lớn các bên cho rằng không phải là một vấn đề bảo vệ môi trường và sức khỏe mà là vấn đề liên quan đến đoàn kết dân tộc của Canada – đặc biệt là đoàn kết dân tộc giữa bộ phận người dân nói tiếng Anh và bộ phận người dân nói tiếng Pháp. Chính phủ các nước lưỡng lự trong hành động có thể theo cách nào đó gây ra căng thẳng chính trị liên quan đến đoàn kết dân tộc. Chính phủ các nước lo ngại rằng, bằng việc ủng hộ đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước, họ có thể bị buộc tội là hành động chống lại bộ phận thiểu số nói tiếng Pháp ở Canada, bất kể những lợi ích về môi trường và sức khỏe mà việc đưa chất đó vào Phụ lục III mang lại.

Các nước thành viên khác của Công ước Rotterdam, đặc biệt là EU, coi việc Canada phản đối đưa chất này vào Phụ lục III là nằm ngoài phạm vi cho phép của những tính toán trong khuôn khổ Công ước. Canada phản kháng rằng có những nguyên nhân khoa học hợp lý để phản đối việc liệt kê a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III.

Việc chính quyền tỉnh (chia rẽ) ngừng ủng hộ việc khai thác a-mi-ăng ở Quebec từ năm 2011, đã cho phép chính phủ liên bang thay đổi quan điểm và ủng hộ việc liệt kê chất a-mi-ăng trắng tại Hội nghị các nước thành viên lần thứ 6 gần đây nhất (COP-6), tháng 5 năm 2013.

Cùng với việc thay đổi quan điểm của chính phủ Canada về vấn đề này, việc tài trợ cho Viện nghiên cứu a-mi-ăng trắng, một nhóm vận động công nghiệp được chính phủ Canada tài trợ toàn phần, cũng chấm dứt.

Kết quả thực tế là hiện đã bớt được một nước - Canada – phản đối việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước.

## 9. Các chất thay thế và chi phí

Từ khi việc sử dụng a-mi-ăng được chấm dứt tại nhiều nước, có nhiều thông tin đa dạng về các chất thay thế. Danh mục dưới đây liệt kê một số chất thay thế (cung cấp bởi các nước thành viên Công ước Rotterdam) được sử dụng tại các nước (chủ yếu cho, nhưng không giới hạn ở, vật liệu xây dựng). Mỗi chất thay thế đều có những điểm mạnh và điểm yếu, và cần được doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu tùy theo từng trường hợp.

### Sản xuất tấm lợp

Đối với tấm lợp, sợi thủy tinh và nhôm/sắt là các chất thay thế khả thi. Ngoài ra còn có các chất thay thế khác “hiện đại hơn” (theo Cục Hóa chất, một nhà máy sản xuất tấm lợp không chứa a-mi-ăng của Nhật hiện đang hoạt động tại Việt Nam chỉ để phục vụ xuất khẩu).

Về chi phí, sản xuất tấm lợp sử dụng a-mi-ăng trắng, theo ngành phản ánh, là tiết kiệm chi phí nhất. Qua trao đổi với hiệp hội tấm lợp cho thấy tình hình kinh tế của đại bộ phận người dân Việt Nam còn kém so với nhiều nước khác nơi các chất thay thế cho a-mi-ăng trắng đã được đưa vào. Tấm lợp chứa a-mi-ăng có chi phí rất thấp và vì vậy dễ tiếp cận hơn đối với người nghèo để xây nhà ở và các công trình khác. Việc xóa bỏ nguồn vật liệu xây dựng giá rẻ này, như hiệp hội ngành xác nhận, có thể gây áp lực đến bộ phận người dân có ít lợi thế kinh tế và xã hội nhất.

Ngành cho biết một yếu tố quan trọng khác là chất lượng và độ bền của các chất thay thế. Điều này có thể được xem xét trong nghiên cứu về các chất thay thế.

Ngành cũng ước tính chi phí của các chất thay thế rẻ nhất mà vẫn đáp ứng “thử nghiệm” về chất lượng/độ bền trung bình cao hơn từ hai mươi đến năm mươi phần trăm tấm lợp có chứa a-mi-ăng. Chi phí này đối với ngành là không thể chấp nhận. Ngành cũng cho biết sẵn sàng hoan nghênh các dự án nghiên cứu/thí điểm các chất thay thế cho a-mi-ăng trong sản xuất tấm lợp.

**Danh mục các chất thay thế nộp lên Ban thư ký Công ước  
Rotterdam**

UNEP/FAO/PIC/ICRC.5/INF.6 VÀ INF.6/ADD1 26/1/2004

<b>Nước thành viên</b>	<b>Chất thay thế</b>	
Cộng đồng châu Âu	Sợi xen-lu-lô	
	Sợi PVA	
	Sợi P-aramid	
	Sợi xen-lu-lô	
Chi-lê	Sợi xen-lu-lô	
	Sợi xen-lu-lô	
	Sợi PVA	
	Sợi P-aramid	
Canada	Sợi xen-lu-lô	
	Sợi PVA	
	Sợi P-aramid	
	Sợi polypropylene (CAS No. 9003-07-0)	
Mauritius	Len thủy tinh	
	Sợi khoáng nhân tạo	
Nhật Bản	Sợi khoáng nhân tạo	
	Sợi thủy tinh	
	Len thủy tinh	
	Len đá	
	Len xỉ	
	Sợi khoáng tự nhiên	
	Sepiolite	
	Wollastonite	
	Sợi aramid	
	Sợi Vynylon	
	Bột nghiền	
	Sợi gốm	
	Sợi các-bon	
	Mặt ma-nhe sun-phát cơ bản	
	Mặt ka-li ti-ta-nát	
	Mặt xi-li-côn hóa vật	
	Bun-ga-ri	PVA
		PAN
		Sợi aramid
Sợi thủy tinh		
Len thủy tinh		
Len đá		
Sợi các-bon		
Sợi than chì		
Wollastonite		
Úc		aramid (kevlar)
	para-aramid	
	Aramid dạng đúc	
	Sợi thủy tinh	
	polytetrafluoroethylene	
	polyethylene	
	Polyvinyl clo-rua	
	Hỗn hợp vinyl	
	Bán kim loại	
	Sợi thép	
	Sắt dễ uốn	
	Nhôm si-li-cát	
	Các-bon/graphite (sợi/com-po-sít)	
	Sợi xen-lu-lô/thực vật/com-pô-sít thạch ma	
	Sợi gốm/thủy tinh chịu nhiệt	
	Phốt-phát	
Nhựa đường		
Nhựa mica		
Woolastonite		
Sợi/len khoáng		
Sợi ti-ta-nat		

## **A-mi-ăng dùng trong phanh xe:**

A-mi-ăng trắng đang dần được thay thế trong hầu hết các đệm và má phanh bằng các loại sợi khác như a-ra-mít tổng hợp. Ngoài ra, cát tấy da độ mịn cao cũng được đưa vào sử dụng trong đệm phanh chủ yếu cho thị trường ô tô. Cả hai chất thay thế này đều có các đặc tính thay thế cho a-mi-ăng, bao gồm: độ bền nhiệt và độ bền chung.

Tương tự với tình hình sản xuất tấm lợp ở Việt Nam, ước tính chi phí các chất khác cho Việt Nam dường như là không có. Các nghiên cứu thí điểm về chất thay thế có thể là một cách hỗ trợ để xác định các chất thay thế tốt nhất với chi phí thấp nhất. Không như tình hình sản xuất tấm lợp, thống kê về nhập khẩu và sử dụng a-mi-ăng trắng trong sản xuất đệm phanh ở Việt Nam chưa sẵn có. Cần có thống kê toàn diện hơn về a-mi-ăng tại Việt Nam để hỗ trợ làm rõ thực trạng chất này.

## **10. Hậu quả mà vật liệu xây dựng và chất thải chứa a-mi-ăng gây ra: Quản lý phù hợp với môi trường (ESM) và các chi phí kinh tế liên quan tại Việt Nam**

Việc dỡ bỏ an toàn các kết cấu chứa a-mi-ăng là một thách thức lớn, ngay cả với những nước phát triển. Việc tách a-mi-ăng một cách an toàn để bảo vệ người lao động và những người khác là một công việc tốn kém đòi hỏi phải tập huấn và sử dụng các thiết bị và che chắn an toàn. Các vấn đề cần xem xét đối với Việt Nam gồm có:

- Thống kê/xác định các công trình xây dựng chứa a-mi-ăng cần được tính đến, bao gồm tập huấn/xây dựng năng lực để xác định các kết cấu chứa a-mi-ăng và tiến hành kiểm kê chi tiết;
- Người lao động thực hiện khâu tách a-mi-ăng cần được tập huấn chuyên sâu
- Thiết bị an toàn phù hợp phải được sử dụng để bảo vệ sức khỏe người lao động;
- Các khu vực đang loại bỏ a-mi-ăng cần được niêm phong để tránh ô nhiễm ra không khí bên ngoài.

Chi phí để thực hiện những công việc này tại các nước có chương trình loại bỏ a-mi-ăng là khá lớn. Việc hỗ trợ ngân sách cho các dự án thí điểm hoặc thuyết minh công nghệ sẽ giúp Việt Nam tự tính toán chi phí phù hợp với tình hình của mình.

## 11. Tổng quan chi phí-lợi ích

Tại Việt Nam không có đủ thông tin làm cơ sở để ước tính chi phí-lợi ích của a-mi-ăng trắng tại thời điểm công bố tài liệu này. Tuy nhiên, có thể chia sẻ với chính phủ Việt Nam một số xu hướng/quan sát tổng hợp được. Đó là:

- Nhìn chung, các ngành sử dụng a-mi-ăng trắng (sản xuất tấm lợp hoặc đệm phanh) không phải là những ngành đóng góp lớn từ góc độ thuế cho nền kinh tế Việt Nam (Cục Hóa chất, trao đổi cá nhân, tháng 11 năm 2014)
- Các chi phí liên quan đến chăm sóc sức khỏe để điều trị cho người phơi nhiễm a-mi-ăng cần được tìm hiểu chi tiết, và có vẻ là rất lớn (tại EU, chi phí tại 27 nước thành viên ước tính ở mức trên một tỷ euro mỗi năm (EC, 2012));
- Cần xem xét chi tiết lợi ích kinh tế đối với người tiêu dùng Việt Nam sử dụng tấm lợp giá rẻ chứa a-mi-ăng trắng;
- Cần tính toán chi phí của các phương pháp thay thế có tác hại nhỏ hơn vào sản xuất tấm lợp và đệm phanh;
- Cần xem xét chi phí cơ hội của việc tiếp tục sản xuất tấm lợp chứa a-mi-ăng trắng với các đối tác thương mại lớn (đặc biệt là Liên minh châu Âu);
- Cần tính toán đầy đủ chi phí tăng cường bảo vệ người lao động, nâng cao nhận thức và ngăn chặn việc sử dụng các sản phẩm chứa a-mi-ăng (như tấm lợp và đệm phanh) trong cộng đồng;
- Khả năng trợ cấp có thời hạn của chính phủ/các nhà tài trợ cần được coi như một phương án để đương đầu với chi phí (có thể) cao của các chất thay thế không chứa a-mi-ăng.

Cần nghiên cứu sâu hơn các phương án này và những phương án khác sau khi đã có thống kê toàn diện về a-mi-ăng (và các phân tích sau đó) (xem phần khuyến nghị).

## 12. Báo cáo tác động pháp lý: một công cụ phục vụ quy trình ra quyết định và phân tích

Báo cáo tác động pháp lý, dù khác nhau về nội dung và hình thức giữa các nước, về cơ bản là tài liệu giải thích các bước đã thực hiện trong quá trình xây dựng khuyến nghị để chính phủ xem xét, cùng với phân tích lợi ích và chi phí nếu chính phủ đưa ra quyết định đồng ý với khuyến nghị đưa ra.

Báo cáo tác động pháp lý hiện đang được sử dụng tại rất nhiều nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), và được Ngân hàng Thế giới khuyến cáo sử dụng. Sau đây là một số ví dụ về Báo cáo tác động pháp lý (RIS) mà Chính phủ Việt Nam có thể tham khảo khi xây dựng công cụ này.

Phần lớn, nếu không nói là tất cả các báo cáo tác động pháp lý đều đưa vào các yếu tố sau:

- Phân tích chi phí-lợi ích của quy định/công cụ đề xuất;
- Mô tả quy trình dẫn đến hoàn thiện quy định (bao gồm tham vấn công khai, tham vấn trong nội bộ chính phủ, vv...);
- Giải thích cách thức thực thi quy định/công cụ nếu được phê duyệt.

Các nước phát triển chính đã hợp thức hóa RIS gồm có: Canada, Anh, Mỹ, Liên minh châu Âu và Úc.

Đặc biệt, Úc đã tiến xa hơn trong cách tiếp cận RIS với ba loại chính, mỗi loại dựa trên bản chất của chính sách/pháp luật đề xuất. Nhìn chung, mức độ chi tiết càng cao thì tác động của biện pháp đó đến nền kinh tế càng lớn. Hướng dẫn chi tiết về thực hiện các đánh giá được đăng tải trực tuyến tại địa chỉ

<http://www.cuttingredtape.gov.au/handbook/australian-government-guide-regulation>

Địa chỉ trang thông tin điện tử trên ngầm định rằng tối thiểu thì ban đầu ý định thực hiện RIS là sắp xếp lại quy trình phê duyệt văn bản pháp luật, đồng thời đảm bảo quy định/công cụ đề xuất được phân tích thấu đáo nhằm đảm bảo gây tác động ít nhất đến doanh nghiệp và các bên liên quan khác. Trong những năm gần đây, tại các nước thành viên EU, RIS còn được liên hệ đến các đánh giá tác động môi trường và xã hội.

Cục Hóa chất có thể mong muốn xây dựng cách tiếp cận riêng của mình trong phân tích và đề xuất các quy định/công cụ mới sử dụng công cụ RIS, đặc biệt là các công cụ mới đề xuất như một phần của “Lộ trình” hướng đến mục tiêu ngừng sử dụng a-mi-ăng trắng vào năm 2020.



## **Đánh giá tác động pháp lý của New Zealand**

Tại New Zealand, tất cả các đề xuất xây dựng, sửa đổi hoặc bãi bỏ luật hoặc quy định nộp lên Nội các phải đi kèm với một Đánh giá tác động pháp lý (RIS), trừ khi có ngoại lệ. RIS là tài liệu nêu tóm tắt về:

- vấn đề cần giải quyết
- các phương án giải quyết vấn đề
- chi phí và lợi ích của mỗi phương án
- những người được tham vấn và quan điểm của họ
- đề xuất thực hiện và rà soát

Nhằm đảm bảo quy trình xây dựng luật pháp công khai và minh bạch, các RIS được công bố tại thời điểm văn bản pháp luật liên quan được trình Quốc hội hoặc quy định liên quan được đăng tải, hoặc tại thời điểm ban hành ở cấp bộ.

<http://www.justice.govt.nz/policy/regulatoryimpactstatements>

### 13. Thuận lợi/khó khăn của Việt Nam trong việc chấp thuận đưa a-mi-ăng trắng vào danh mục

Nếu chính phủ Việt Nam, với tư cách là một thành viên của Công ước Rotterdam, chấp thuận việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước, Việt Nam được cho là sẽ có những *thuận lợi* sau:

#### Thuận lợi:

- Việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước *không* có nghĩa là cấm sử dụng chất này: Công ước Rotterdam không có quy định về cấm bắt kể hóa chất nào; nó chỉ đơn thuần quy định nghĩa vụ của chính phủ các nước về thông báo cho chính phủ các nước khác khi xuất khẩu một chất trong danh mục.
- Củng cố vai trò của cộng đồng quốc tế về sức khỏe và môi trường: nếu cho phép liệt kê a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III, Việt Nam có thể đóng góp vào những nỗ lực mang tính xây dựng của hầu hết các nước nhằm đảm bảo các nước nhập khẩu chất này có được nhiều thông tin nhất có thể về các mối nguy từ a-mi-ăng trắng, đóng góp hơn nữa vào quy trình ra quyết định có thông báo.
- Cải thiện sức khỏe của người lao động và bộ phận người nghèo nhất tại Việt Nam: các hoạt động được lên chương trình (với sự tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của cộng đồng quốc tế) nhằm tăng cường việc sử dụng an toàn a-mi-ăng trắng, và hướng tới ngừng sử dụng chất này tại Việt Nam, sẽ giúp giảm phơi nhiễm a-mi-ăng trong bộ phận người dân nguy cơ cao
- Khả năng hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ cộng đồng rộng lớn các nhà tài trợ có thể được tận dụng để tăng cường quản lý hóa chất và bảo vệ sức khỏe/môi trường nói chung tại Việt Nam: việc Việt Nam ủng hộ đưa chất này vào danh mục có thể tạo ra mối quan tâm cao hơn trong cộng đồng quốc tế để hỗ trợ các nỗ lực chung nhằm cải thiện an toàn hóa chất tại Việt Nam, thông qua hỗ trợ một chương trình toàn diện quốc gia
- Cơ hội củng cố cơ sở thông tin về sử dụng a-mi-ăng tại Việt Nam: việc ủng hộ đưa chất này vào Phụ lục III có thể sẽ buộc các nước xuất khẩu cung cấp thông tin chi tiết về các mối nguy nó gây ra. Điều này sẽ góp phần xây dựng cơ sở thông tin về a-mi-ăng trắng

tại Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể tìm kiếm hỗ trợ quốc tế để thực hiện thống kê toàn diện và liệt kê các công dụng của a-mi-ăng trắng, tiêu hủy các sản phẩm chứa a-mi-ăng trắng, vv... tại Việt Nam thông qua một chương trình xây dựng năng lực về lĩnh vực này

- Cơ hội phát triển kinh tế từ việc thử nghiệm và triển khai các chất thay thế a-mi-ăng trắng tại Việt Nam: do Việt Nam hiện đang đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do với Liên minh châu Âu, chính sách của chính phủ Việt Nam về phát triển bền vững vì lợi ích của người dân; việc sản xuất các sản phẩm thay thế không chứa a-mi-ăng trắng có thể góp phần tạo dựng hình ảnh Việt Nam như một nơi sản xuất hóa chất và nguyên liệu hóa chất “sạch” cho sản phẩm. Điều này sẽ giúp tạo cơ hội thị trường cho hàng hóa xuất khẩu.
- Loại bỏ vướng mắc để đàm phán thành công Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU. EU đã làm rõ với các đối tác thương mại của mình rằng bảo vệ sức khỏe con người và môi trường là tiêu chí chính trong hoạch định chính sách thương mại của khối. Cam kết của Việt Nam về việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III, và cam kết ngừng sử dụng chất này, theo lộ trình, sẽ được EU hoan nghênh, và có thể giúp giải quyết được mối quan ngại chính trong quá trình đàm phán đang diễn ra.
- Cơ hội để có được quy trình hoạch định chính sách dựa trên đồng thuận tại Việt Nam, mang lại lợi ích cho cả ngành (thông qua chuyển đổi bền vững) và sức khỏe/môi trường (bằng cách chuyển đổi hướng tới xóa bỏ việc sử dụng a-mi-ăng trắng và thay thế bằng các chất khác ít tác hại hơn). Tại Việt Nam có các ý kiến khác nhau về việc tiếp tục sử dụng a-mi-ăng trắng, đặc biệt trong ngành sản xuất tấm lợp (và cả về việc sử dụng chất này trong đệm phanh xe). Một số bên liên quan cho rằng việc tiếp tục sử dụng a-mi-ăng trắng, do chi phí thấp và dễ sử dụng trong quy trình sản xuất, vv... là lợi thế đặc biệt cho người dân-khách hàng chính của họ, những người vốn có điều kiện hạn hẹp. Các bên liên quan về sức khỏe và môi trường lại cho rằng nguy cơ phơi nhiễm đối với người lao động và những người có sản phẩm chứa a-mi-ăng trong nhà và đối với doanh nghiệp có thể được ngăn ngừa thông qua việc ngừng sử dụng chất này và việc dỡ bỏ an toàn các vật liệu xây dựng và chất thải chứa nó theo thời gian. Hiện tại, dường như chưa có đồng thuận về vấn đề này tại Việt Nam. Mối quan tâm của quốc tế về sử dụng a-mi-ăng trắng tại Việt Nam từ những tranh luận về khả năng đưa chất này vào Phụ lục III tại Hội nghị các nước thành viên Công ước Rotterdam lần tới là cơ hội để Việt Nam đưa các bên liên quan khác nhau này ngồi lại với nhau để thảo luận một cách công khai, minh bạch và toàn diện về hướng đi tiếp theo. Chính phủ Việt Nam có vị thế lý tưởng để thuận lợi hóa cho những cuộc thảo luận này và tăng cường truyền thông trong các vấn đề còn tồn tại rào cản giữa các bên.

Nếu chính phủ Việt Nam, với tư cách là một thành viên của Công ước Rotterdam, chấp thuận việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III của Công ước, Việt Nam được cho là sẽ có những *khó khăn* sau:

### Khó khăn:

- Căng thẳng có thể diễn ra với các nước xuất khẩu (Nga, Zimbabwe, vv...)
  - Tại các Hội nghị các nước thành viên Công ước Rotterdam gần đây, đã xuất hiện một “liên minh” mạnh mẽ của các nước phản đối việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III. Các nước chính trong liên minh này gồm có Nga, Zimbabwe, Colombia, và Canada (trước đây). Việt Nam đến nay đã ủng hộ quan điểm của các nước này. Bất kể thay đổi nào về quan điểm của Việt Nam về vấn đề này đều có những tác động tích cực và tiêu cực trong quan hệ với một số hoặc tất cả các nước này. Điều này cần được đánh giá khi xem xét quan hệ song phương nói chung giữa Việt Nam và mỗi nước.
- Căng thẳng có thể có với ngành (Hiệp hội tấm lợp, người sử dụng, vv..): những thành viên Hiệp hội có thể tìm cách gây ra những khó khăn “chính trị” nếu họ không “đồng tình” với việc chính phủ Việt Nam thay đổi quan điểm và ủng hộ việc đưa a-mi-ăng trắng vào Phụ lục III
- Có thể trở thành vấn đề “công bằng xã hội” nếu chi phí các chất thay thế được chứng tỏ là quá cao
- Các nhu cầu cần giải quyết về bảo vệ sức khỏe người lao động và người sử dụng sau cùng
- Tác động tiềm tàng đến người nghèo (nếu các chất thay thế đắt đỏ hơn): Nếu các chất sử dụng thay thế a-mi-ăng trong sản phẩm được chứng tỏ là đắt đỏ hơn (qua trao đổi với các cán bộ chính phủ Việt Nam, họ cho biết dự kiến chi phí tăng khoảng 40%); nó có thể làm ảnh hưởng đến người tiêu dùng. Các dự án thí điểm sẽ giúp làm rõ vấn đề này.
- Tình trạng mất việc làm như hệ quả của việc chuyển sang các chất thay thế (nếu các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng a-mi-ăng trắng bị đóng cửa).

## 14. Khuyến nghị

### **Xây dựng “Lộ trình/Kế hoạch hành động quốc gia” về việc ngừng sử dụng a-mi-ăng trắng tại Việt Nam đến năm 2020:**

#### **Nhưng nội dung chính**

Mục tiêu của Việt Nam về ngừng sử dụng a-mi-ăng trắng vào năm 2020 là mục tiêu đầy tham vọng, đặc biệt trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp sử dụng chất này trong sản xuất tấm lợp, những tính toán kinh tế chưa chắc chắn về các chất thay thế, và việc thiếu thông tin sẵn có và đầy đủ về các sản phẩm chứa a-mi-ăng trắng và sự hiện diện của nó trong các kết cấu tại Việt Nam. Do đó, những khuyến nghị đưa vào Báo cáo nghiên cứu này được chia thành nhóm để, nếu được giải quyết thỏa đáng, có thể hỗ trợ chính phủ Việt Nam triển khai Lộ trình hoặc Kế hoạch hành động quốc gia. Dưới đây là các nhóm khuyến nghị:

- 1) Triển khai Phân tích thực trạng/Thông kê toàn diện về a-mi-ăng trắng tại Việt Nam;
- 2) Tính toán chi phí đầy đủ các chất thay thế thông qua triển khai ba dự án thí điểm chính về sản xuất các sản phẩm thay thế tấm lợp chứa a-mi-ăng trắng và một dự án thí điểm về thay thế đệm phanh;
- 3) Tập huấn về tăng cường thực thi các công ước/hiệp định quốc tế chính về hóa chất/chất thải và hóa chất chứa trong sản phẩm (bao gồm xây dựng chính sách và pháp luật);
- 4) Cải thiện an toàn và theo dõi sức khỏe cho người lao động, nâng cao nhận thức của cộng đồng để hiểu rõ hơn chi phí thực của việc sử dụng a-mi-ăng tại Việt Nam, và đảm bảo những đối tượng bị ảnh hưởng được xác định và hỗ trợ;
- 5) Triển khai một sự án thuyết minh tại Việt Nam để thuyết minh công nghệ tháo dỡ các tòa nhà sử dụng a-mi-ăng trắng

Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là Cục Hóa chất, cho biết để đạt mục tiêu ngừng sử dụng a-mi-ăng trắng tại Việt Nam vào năm 2020, và nhằm củng cố những cam kết có thể đưa vào để ủng hộ việc đưa chất này vào Phụ lục III Công ước Rotterdam, cần phải có sự hỗ trợ quốc tế để xây dựng “Lộ trình” hoặc “Kế hoạch hành động quốc gia”. Các khuyến nghị sau, thực hiện từng bước, có thể giúp Việt Nam làm rõ những nhu cầu cần giải quyết (cả ở cấp quốc gia và quốc tế) để đạt được mục tiêu năm 2020.

- Tập huấn cho cán bộ Cục Hóa chất về kiểm kê hàng tồn kho các chất trong Phụ lục III (*Có thể yêu cầu Ban thư ký Công ước Rotterdam thực hiện như một phần của Kế hoạch hành động quốc gia – xem ở dưới*);
- Việc kiểm kê cần đưa ra thông tin toàn diện (khi có thể) về:
  - Nhập khẩu các sản phẩm chứa a-mi-ăng trắng tại Việt Nam, và các công dụng của chúng;
  - Xuất khẩu tấm lợp chứa a-mi-ăng trắng (bao gồm các nước láng giềng, nếu có);
  - Thống kê về nhập khẩu và sử dụng a-mi-ăng trắng trong sản xuất đệm phanh tại Việt Nam;
  - Số phận của các vật liệu chứa a-mi-ăng trắng (đặc biệt là, nhưng không giới hạn ở, tấm lợp) vào cuối vòng đời sử dụng của chúng;
  - Số phận của các phụ phẩm a-mi-ăng trong khai khoáng;
  - Số phận của chất thải chứa a-mi-ăng trắng từ sản xuất tấm lợp và quy trình thay đệm phanh;
  - Thống kê về sản xuất và sử dụng của doanh nghiệp không phải là thành viên Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam
  - Sự hiện diện *tại chỗ* của a-mi-ăng, bao gồm các tòa nhà tại Việt Nam

*(Có thể yêu cầu cung cấp đào tạo từ Ban thư ký Công ước Rotterdam hoặc từ các hiệp định song phương với các nước tài trợ);*

- Tập huấn cho cán bộ của Cục Hóa chất (hóa chất công nghiệp) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thuốc bảo vệ thực vật) (và từ các bộ ngành liên quan khác) do các trung tâm vùng/ban thư ký thực hiện nhằm tăng cường tuân thủ Công ước Rotterdam thông qua xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia, tập trung đặc biệt vào xử lý thông tin về các hóa chất trong Phụ lục III (*có thể tiếp cận với các Trung tâm vùng phụ trách khu vực châu Á-Thái Bình Dương (như Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc hoặc Indonesia)*);
- Tập huấn cho cán bộ Cục Hóa chất về các hóa chất sử dụng trong sản phẩm, ban đầu tập trung vào các sản phẩm chứa a-mi-ăng trắng (*Cơ quan Hóa chất Thủy Điện, KEMI, có chuyên môn đặc biệt về vấn đề này*);
- Tập huấn cho cán bộ Cục Hóa chất và ngành về việc triển khai Hệ thống hài hòa hóa về ghi nhãn và đóng gói hóa chất (GHS);

- Tập huấn cho các Bộ ngành liên quan về việc xây dựng, triển khai và thực thi pháp luật về hóa chất;
- Xây dựng và triển khai ba dự án thí điểm, bao gồm lựa chọn các địa bàn sản xuất công nghiệp phù hợp, thuyết minh các phương án sản xuất khác nhau để thay thế tấm lợp chứa a-mi-ăng trắng (*hỗ trợ ngân sách bởi một nhóm các nhà tài trợ. Các nước ủng hộ những dự án thí điểm dự kiến có thể là: EU, Nhật Bản, Thụy Sĩ – tất cả các nước này cần phải được tiếp cận đồng bộ và có sự điều phối*) và xem xét đưa vào trợ cấp nếu không tìm được phưng án thay thế tiết kiệm;
- Xây dựng và triển khai dự án thí điểm các chất thay thế a-mi-ăng trắng sử dụng trong đệm phanh tại Việt Nam;
- Tổ chức đi thăm quan học tập và/hoặc thăm thực địa tại Ban thư ký Công ước Rotterdam tại Geneve (để nghiên cứu về việc thực thi Công ước Rotterdam) cho các nhà hoạch định chính sách chính của Chính phủ Việt Nam và tại các nước đã thực thi thành công Công ước này ở cấp quốc gia (ví dụ, một số nước EU/Thụy Sĩ/Nhật Bản) (*Chuyến thăm quan học tập này cần được thực hiện trước thềm COP7 của Công ước*) (ví dụ, có thể tiếp cận nguồn tài trợ ngắn hạn của Thụy Sĩ cho dự án nhỏ này);
- Tập huấn cho các chuyên gia y tế về theo dõi sức khỏe các bệnh liên quan đến a-mi-ăng và tập huấn cho cán bộ chính phủ liên quan về tác động kinh tế của các bệnh này;
- Tập huấn cho người lao động về xử lý an toàn các vật liệu chứa a-mi-ăng ở tất cả các giai đoạn trong của vòng đời của chúng;
- Tập huấn cho cán bộ thanh tra để tăng cường các biện pháp an toàn tại các cơ sở sử dụng a-mi-ăng trắng;
- Tập huấn cho cán bộ hải quan về giám sát và triển khai các hành động phù hợp để bảo vệ sức khỏe và môi trường trước việc nhập khẩu a-mi-ăng nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm chứa a-mi-ăng;

- Huy động các nguồn tài trợ để hỗ trợ nâng cao nhận thức của cộng đồng về các vấn đề liên quan đến a-mi-ăng, tập trung đặc biệt vào các nhóm nguy cơ cao trong xã hội;
- Xây dựng/triển khai một dự án thuyết minh nhằm vào vấn đề dỡ bỏ các công trình xây dựng chứa a-mi-ăng trắng, bao gồm các công trình công nghiệp và nhà ở tại Việt Nam



## Tài liệu tham khảo

**Becklake, M.R., 1991.** The epidemiology of asbestosis. In: Monograph: Mineral Fibers and Health (Liddell FDK, Miller K, eds.) pp. 99-115. CRC Press, Boca Raton, FL, USA.

**European Commission (EC), 2012.** Practical Guidelines for the Information and Training of Workers Involved with Asbestos Removal or Maintenance Work. European Commission, Directorate-General for Employment, Social Affairs and Inclusion (Unit B.3).

**Jan W. Huismans, 2014.** (Former Director, UNEP-IPRTC), Personal Communication to the Author, November 2014.

**International Agency for Research on Cancer (IARC), 1987.** Summaries & Evaluations Asbestos (Actinolite, amosite, anthophyllite, chrysotile, crocidolite, tremolite) Supplement 7.

**International Programme on Chemical Safety (IPCS), 1986.** Environmental Health Criteria 53. Asbestos and other Natural Mineral Fibres. Published under the joint sponsorship of the United Nations Environment Programme, the International Labour Organisation, and the World Health Organization. World Health Organization, Geneva.

**International Programme on Chemical Safety (IPCS), 1998.** Environmental Health Criteria 203. Chrysotile Asbestos. Published under the joint sponsorship of the United Nations Environment Programme, the International Labour Organisation, and the World Health Organization. World Health Organization, Geneva.

**Lemen, R.A., 2004.** Asbestos in Brakes: Exposure and Risk of Disease. American Journal of Industrial Medicine 45: 229-237

**National Center for Biotechnology Information (NCBI), 2013.** Van Hai Pham, Thi Ngoc Lan Tran, Giang Vinh Le, Mehrnoosh Movahed, Ying Jiang, Nguyen Ha Pham, Hisashi Ogawa, and Ken Takahashi. Asbestos and Asbestos-related Diseases in Vietnam. Also see: <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC3732140/>

**National Industrial Chemicals Notification and Assessment Scheme (NICNAS), 1999.** Asbestos (Chrysotile Asbestos) Safety Factsheet. Updated May 2013. Also see: <http://www.nicnas.gov.au/communications/publications/information-sheets/existing-chemical-info-sheets/chrysotile-asbestos-safety-factsheet>

**Royal Society of Canada, 1996.** A review of the INSERM Report on the health effects of exposure to asbestos: Report of the Expert Panel on Asbestos Risk.

**UNEP/FAO, 2004.** Information on substitutes for chrysotile asbestos. Information document for the Fifth Meeting of the Interim Chemical Review Committee of the Rotterdam Convention (UNEP/FAO/PIC/ICRC.5/INF.6 AND INF.6/ADD1 26 JANUARY 2004).

**US Environmental Protection Agency (US EPA), 1989.** Asbestos: Manufacture, Importation, Processing, and Distribution in Commerce Prohibitions; Final Rule (54 FR 29460, July 12, 1989).

**Vietnam National Roof Sheet Association, 2014.** Personal Communication to the Author, Hanoi, August, 2014.

**Vinachemia, 2014.** Personal Communication to the Author, Hanoi, August, 2014.

**Williams, R.L. and Muhlbaier, J.L., 1982.** Asbestos Brake Emissions. Environ Res 29:70–82.

**World Health Organization, 2014.** World Cancer Report 2014. ISBN 9283204298.